

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CAO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...04... /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..09.. tháng 01 năm 2024)

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, P. Yết Kiêu, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3944 5474

Fax: 024 3944 5475

Website: <https://nsi.vn/>

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày/...../..... tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Trụ sở chính: Số 333, đường Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Văn phòng Camimex: Số 2, Đường Số 28, Khu An Phú An Khánh, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (0290) 3831608

Fax: (0290) 3580827

Email: camimex@camimex.com.vn

Website: cmmseafood.com.vn

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Hoài Linh

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Số điện thoại: 0837047939

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Camimex

Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 3.400.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 34.000.000.000 đồng

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ: 15-13 Võ Nguyên Giáp, Quận Cái Răng TP. Cần Thơ

Điện thoại: (84-292) 3764.995

Fax: (84-292) 3764.996

Website: a-c.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐỒNG THỜI LÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, 105 Chu Văn An, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 3944 5474

Fax: 024 3944 5475

Website: <https://nsi.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Tổ chức phát hành	6
2. Tổ chức tư vấn	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro về đợt chào bán	12
5. Rủi ro pha loãng	12
6. Rủi ro quản trị công ty	14
7. Rủi ro khác	14
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	17
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	18
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	19
5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	23
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	24
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	25
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	25
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	26
10. Hoạt động kinh doanh	27
11. Chính sách đối với người lao động	54
12. Chính sách cổ tức	55
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	56
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	56

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	57
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	57
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	57
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	57
2. Tình hình tài chính	60
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	69
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	70
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	72
1. Thông tin về Cổ đông sáng lập.....	72
2. Thông tin về cổ đông lớn.....	72
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng	76
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	88
1. Loại cổ phiếu.....	88
2. Mệnh giá cổ phiếu	88
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	88
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	88
5. Giá chào bán dự kiến.....	88
6. Phương pháp tính giá.....	88
7. Phương thức phân phối.....	89
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	91
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	91
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	92
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	92
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	92
13. Hủy bỏ đợt chào bán.....	92
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	92

15. Các loại thuế có liên quan	93
16. Thông tin về các cam kết.....	94
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:	94
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	94
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	94
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	96
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:.....	96
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	96
XIII. PHỤ LỤC.....	98

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Ngọc Sơn	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Lam	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Ông Trần Đình Dũng Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 53/2022/UQ-TGD-NSI ngày 01/08/2022 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 1005/2022/HĐTVPH/NSI-CMM ngày 10/05/2023 với Công ty Cổ phần Camimex. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Camimex cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Camimex nói riêng.

a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2019 chứng kiến sự tăng trưởng cao và ổn định của nền kinh tế Việt Nam với mức tăng trưởng GDP bình quân đạt gần 6,3%. Sau giai đoạn điều chỉnh trước năm 2013, tăng trưởng GDP đã lấy lại đà tăng trưởng, và đạt mức trên 7% từ năm 2018. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt mục

tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp cùng nỗ lực thực hiện để đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Giai đoạn 2020 - 2021 là một giai đoạn khó khăn và đầy thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng do ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch SARS-Cov-2. Dưới tác động của đại dịch, đời sống kinh tế, xã hội đứng trước nhiều thách thức, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên phạm vi toàn thế giới. Những lệnh phong tỏa, những hậu quả đáng tiếc của SARS-Cov-2 đã để lại những mảng tối trong đời sống của từng người dân, từng doanh nghiệp. Trong điều kiện đó, với sự nỗ lực của các cấp chính quyền cùng với sự đồng lòng của người dân, Việt Nam từng bước vượt qua đại dịch, tập trung xây dựng lại nền kinh tế. Nhờ những nỗ lực không ngừng nghỉ đó mà kinh tế Việt Nam vẫn đảm bảo tăng trưởng trong năm 2020 - 2021 và trở thành nền kinh tế đứng thứ 4 ở Đông Nam Á. Đây được xem là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2021 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Điều này cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và sự quyết tâm, đồng lòng của người dân và cộng đồng doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả mục tiêu “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”.

GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong cơ cấu GDP theo khối ngành, tỷ trọng GDP ngành Công nghiệp và Xây dựng đạt 38,3% và Dịch vụ đạt 41,3%. Đây là tín hiệu hết sức tích cực cho thấy triển vọng phát triển và phục hồi nền kinh tế của Việt Nam sau 2 năm chiến đấu với dịch bệnh. Bước sang năm 2023, những yếu tố vĩ mô như tổng cầu xuất khẩu và tiêu dùng sụt giảm khiến cho GDP 06 tháng đầu năm tăng trưởng không đạt kỳ vọng, đồng thời chính vì năm 2022 tăng trưởng cao nên áp lực tăng trưởng của năm 2023 trên mức nền cao sẽ càng tác động xấu lên tâm lý và kỳ vọng kinh doanh của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ảnh hưởng trực tiếp đến các đơn

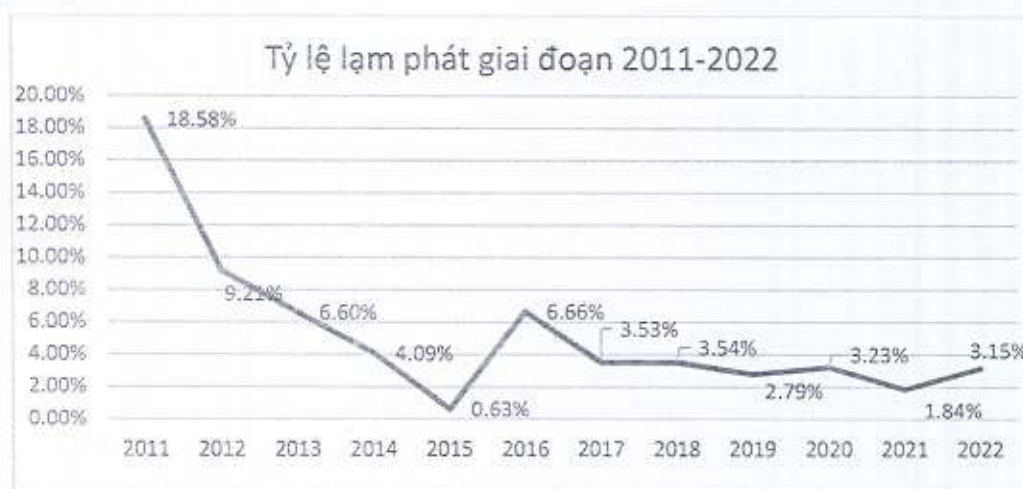
hàng của Công ty.

Cũng như các ngành khác, tăng trưởng kinh tế là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu của người dân và toàn xã hội đối với các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

b. Lạm phát

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI.

Từ năm 2012, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã từng bước được kiểm soát. Tỷ lệ lạm phát trong nước được Chính phủ kiểm soát trong mức cho phép nhằm duy trì mục tiêu tăng trưởng nhưng không làm mất cân bằng trong nền kinh tế, tăng trưởng nóng ảnh hưởng xấu đến bức tranh chung của quốc gia.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tuy nhiên, kể từ năm 2021, dưới tác động ngày càng nghiêm trọng của dịch Covid -19, sau thời gian dài thực hiện phong tỏa để phòng chống dịch bệnh, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hoạt động sản xuất toàn cầu đã bị đình trệ vì các vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng. Sự bất cân bằng giữa cung – cầu đã thúc đẩy tăng giá nhiều mặt hàng, dịch vụ qua đó đẩy nguy cơ lạm phát lên mức cao. Hàng loạt các nền kinh tế lớn đang phải ứng phó với mức lạm phát cao kỷ lục.

Tại Việt Nam, chỉ số giá tiêu dùng năm 2021 là 1,84% so với cùng kỳ năm 2021, đây là mức tăng thấp nhất trong 10 năm 2010-2020. Năm 2022, lạm phát đạt 3,15%, là cao hơn so với mức lạm phát của khu vực ASEAN+3 (bao gồm các nước ASEAN và Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản). Nhờ các biện pháp bình ổn giá và gói hỗ trợ từ Chính phủ, Việt Nam đã thành công trong việc kiểm soát được lạm phát, thực hiện đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, đặc biệt là giá xăng dầu để hạn chế những tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Kết thúc Quý 2/2023, lạm phát cơ bản tăng 4,74% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức CPI bình quân chung. Tuy vậy, nhiều chuyên gia cho rằng, lạm phát cả năm 2023 có thể được kiểm soát dưới mức 3%. Cuối quý 03 và đầu quý 04/2023, giá

dầu Thế giới tăng cùng với sự chênh lệch tỷ giá USD/VND cao hơn (kinh tế Mỹ mạnh hơn đã kích thích Cục dự trữ liên bang FED duy trì mức lãi suất điều hành cao lâu hơn), là những yếu tố có thể gây ra làn sóng lạm phát tiếp theo ở Việt Nam. Chính phủ sẽ cần cố gắng rất nhiều để đảm bảo lạm phát dưới 4,5% như kế hoạch của Quốc hội đề ra.

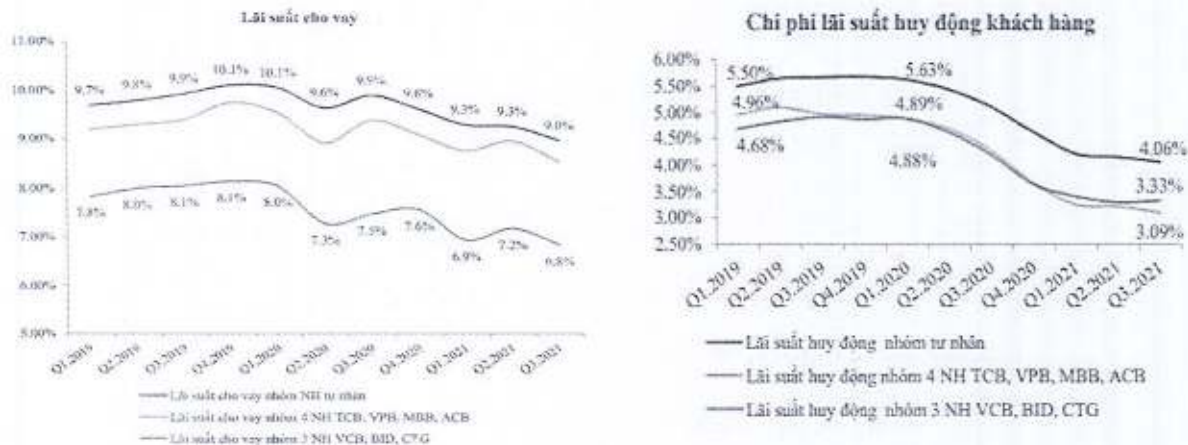
Lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các chi phí cố định của Công ty (chi phí lao động, chi phí sửa chữa, chi phí vật tư ...). Trong trường hợp Công ty không thể chuyển chi phí này vào giá bán (do giá bán cần giữ ổn định để gia tăng sự cạnh tranh), lợi nhuận thu về của Công ty sẽ bị giảm, ảnh hưởng đến lợi nhuận giữ lại của CMM.

c. Lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của CMM. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Trong những năm gần đây, trước bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành lãi suất phù hợp, tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ nền kinh tế phục hồi.

Biểu đồ Lãi suất cho vay, huy động giai đoạn 2019 – 2021



Nguồn: VCBS Research

Giai đoạn 2019 - 2020 có thể coi là giai đoạn thành công điều tiết chính sách tiền tệ của NHNN khi nhiều chính sách được ban hành, đồng thời có những động thái can thiệp đúng lúc khi thị trường bắt đầu mạnh nha có những biến động. Nhiều biện pháp hỗ trợ khó khăn, nhiều chương trình kích thích sản xuất đã được Chính phủ nỗ lực thực hiện, trong đó việc giảm chi phí lãi vay cho các doanh nghiệp sản xuất luôn được chú trọng.

Năm 2021, mặt bằng lãi suất được giữ ổn định để lãi suất cho vay giảm. Trần lãi suất cho vay VND mà Ngân hàng Nhà nước quy định là 4,5%. Trong năm, thực hiện nghị quyết 63/NQ-CP của

Chính phủ, 16 ngân hàng thương mại đã đồng thuận giảm lãi suất cho vay áp dụng lên đến 1%/năm trên dư nợ hiện hữu từ giữa tháng 7 đến hết năm 2021.

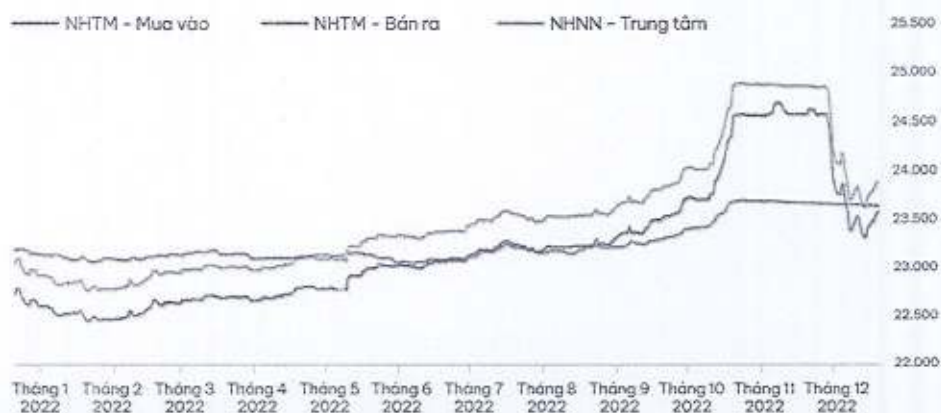
Trong những tháng cuối năm 2022, lãi suất cũng có xu hướng tăng và neo ở mức cao hơn hẳn so với giai đoạn đầu năm. Bên cạnh việc điều chỉnh lãi suất điều hành tăng thêm 2%, NHNN cũng giảm đáng kể tốc độ tăng cung tiền, chỉ ở mức 3,2% trong 9 tháng năm 2022. Lý do chính khiến NHNN thắt chặt tiền tệ là để ổn định tỷ giá cũng như kiểm soát lạm phát. Kết thúc Quý 1/2023, tăng trưởng tín dụng đạt 2,06%, tương đương so với cùng kỳ năm 2022 do nền kinh tế khó khăn khiến nhu cầu vốn của các doanh nghiệp cũng không cao. Lãi tiền gửi ở các ngân hàng thương mại được điều chỉnh giảm dần khiến cho áp lực lãi suất cho vay cũng giảm nhẹ. Đến Quý 2/2023, NHNN hướng ứng chỉ đạo của Chính phủ bằng chính sách giảm lãi suất điều hành liên tục, tuy nhiên, do đặc thù kém liên thông giữa lãi suất điều hành và lãi suất cho vay thực ngoài thị trường của Việt Nam, tốc độ giảm lãi vay của các chủ thể đi vay sẽ chậm hơn rất nhiều chính sách của NHNN.

Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, CMM luôn cần lượng vốn hoạt động lớn. Tỷ số nợ của Công ty luôn ở mức cao, do đó, biến động về lãi suất của các ngân hàng luôn là yếu tố mang tính chất rủi ro cao đối với CMM.

d. Tỷ giá

Do đặc thù hoạt động của CMM có tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu sản phẩm tôm sang các nước khác lớn hơn doanh thu phân phối nội địa, tỷ giá hối đoái cũng là một yếu tố có ảnh hưởng nhất định đến doanh thu, lợi nhuận của CMM. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Camimex.

Năm 2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tỷ giá USD/VND mua giao ngay tổng cộng 3 lần sau khi Mỹ và Việt Nam tiếp tục đạt được tiếng nói chung và phía Việt Nam cam kết không cố tình can thiệp vào thị trường để làm giá VND. Từ đó tỷ giá giao dịch thực tế tại NHTM đã giảm tới 1,14% so với cuối năm 2020, tương đương VND đã lên giá 1,14% so với đồng USD. Trên thị trường liên ngân hàng, tại ngày 31/12/2021 tỷ giá USD/VND đạt 22.826 đồng giảm 1,18% so với đầu năm. Đặc biệt, tháng 04/2021, Bộ tài chính Mỹ đã xác định không có đủ bằng chứng, dấu hiệu cho thấy Việt Nam thao túng tiền tệ và quyết định không có hành động trừng phạt thương mại với Việt Nam.



(Nguồn: Wichart)

Năm 2022 là một năm đầy biến động đối với thị trường tiền tệ - ngoại tệ của Việt Nam. Trong năm 2022, cục dự trữ liên bang Mỹ FED đã nâng lãi suất quỹ liên bang 5 lần, bên cạnh diễn biến thị trường quốc tế phức tạp, chiến tranh Nga-Ukraine đã tạo nhiều áp lực lên tỷ giá và thị trường ngoại tệ của Việt Nam. Đã từng có thời điểm đồng VNĐ mất 9% thị giá so với năm 2021. Trong bối cảnh khó lường từ các diễn biến kinh tế thế giới, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã nhiều lần can thiệp với những biện pháp bình ổn giá bán trung tâm, và bán ra ngoại tệ để giảm áp lực nguồn cung. Cùng với đó, kể từ tháng 6/2022, NHNNVN đã tái khởi động kênh tín phiếu sau hơn hai năm ngừng hoạt động và hai lần điều chỉnh lãi suất điều hành trong năm nay với mức tăng 1 điểm % mỗi lần nhằm giảm áp lực về tỷ giá. Sang năm 2023, sau khi giảm lãi suất điều hành lần thứ 2 từ đầu năm đến nay, Ngân hàng Nhà nước giữ nguyên niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.600 VND/USD (ngày 30/3/2023). Cuối quý 03 và đầu quý 04/2023, tỷ giá có chiều hướng gia tăng do sự mạnh lên của đồng USD nhờ kinh tế Mỹ vững vàng, đồng thời chênh lệch giữa lãi suất VND và lãi suất USD khiến cho tỷ giá sẽ càng có chiều hướng tăng vào cuối năm (các doanh nghiệp FDI vào chu kỳ hiện thực hóa lợi nhuận bằng cách mua ngoại tệ để trả nợ hoặc chuyển về nước sở tại).

Với đặc thù kinh doanh nhập nguyên liệu/xuất sản phẩm ra nước ngoài, những biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng đến giá bán và doanh thu của CMM, đồng thời có thể ảnh hưởng tới giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của việc thay đổi hệ thống pháp luật, và/ hoặc các văn bản pháp luật đến các hoạt động kinh doanh của công ty, chiến lược phát triển ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty là công ty đại chúng đang đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Luật xuất khẩu, Luật Chứng khoán, Luật Khoáng sản và các nghị định, thông tư hướng dẫn... Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, ký kết nhiều hiệp định, các văn bản Luật dần được ban hành mới. Trong đó, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 thay thế Luật Chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi 2010 có nhiều sửa đổi, thay thế.

Việc thay đổi về hành lang pháp lý đối với các hoạt động sản xuất và hoạt động quản trị nội bộ của Công ty có thể dẫn đến rủi ro vi phạm pháp luật nếu Công ty không cập nhật những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro về nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Lĩnh vực hoạt động chính của CMM là chế biến và bảo quản thủy sản, đặc biệt là các loại tôm. Do đó, nguồn nguyên liệu đảm bảo chất lượng và số lượng là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Môi trường tự nhiên của Cà Mau có thể coi là điều kiện thuận lợi cho việc nuôi trồng tôm nguyên liệu, tuy nhiên, vẫn tồn tại rủi ro vùng nuôi trồng bị ảnh hưởng bởi thời tiết, cũng như dịch bệnh của tôm, từ đó trực tiếp ảnh hưởng tới nguyên liệu đầu vào của Công ty. Hiểu rõ việc này, Ban lãnh đạo Công

ty đã xây dựng quy trình kiểm soát và dự phòng rủi ro nguyên liệu kĩ càng, đảm bảo vùng nguyên liệu nuôi trồng tôm luôn được kiểm tra và đánh giá chất lượng, đồng thời tìm kiếm và duy trì mối quan hệ cung cấp nguồn hàng mật thiết với các nhà cung cấp nguyên liệu lâu năm cho CMM. Tuy nhiên, CMM đánh giá rủi ro về nguồn cung cấp nguyên liệu vẫn là rủi ro trực tiếp và có ảnh hưởng lớn tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Rủi ro cạnh tranh

Mặc dù có lợi thế là doanh nghiệp hoạt động và sản xuất mạnh trong lĩnh vực kinh doanh của mình, Camimex luôn hiểu rõ những rủi ro từ các doanh nghiệp cùng ngành khác có thể mạnh về vốn đầu tư và công nghệ cao. Ban lãnh đạo Công ty cũng tập trung đầu tư nghiên cứu tuyển chọn giống tôm sú và tôm thẻ nhằm chống được bệnh tật và đạt chất lượng cao cho tôm sinh thái, đẩy mạnh các chính sách về việc đảm bảo chất lượng các sản phẩm xuất khẩu, xây dựng uy tín với bạn hàng và có các chính sách bán hàng phù hợp để giảm thiểu rủi ro cạnh tranh.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán của CMM có tồn tại Rủi ro về việc không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký chào bán.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Thị trường chứng khoán diễn biến giảm điểm trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình. Do đó, đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phần Công ty dự kiến phát hành là 3.400.000 cổ phiếu. Do tăng lượng cổ phiếu lưu hành nên đợt phát hành tăng vốn có thể dẫn tới các rủi ro pha loãng gồm: (i) pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần – EPS (Earning per share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần – BVPS (Book value per share) ; và (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu, mà nhà đầu tư cần lưu ý như sau.

5.1 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Ví dụ:

Giá sử lợi nhuận sau thuế của CMM tại ngày 30/11/2023 là 30 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ

phần CMM tại ngày 30/11/2023 được tính như sau:

$$\text{EPS}_{\text{ngày 30/11/2023}} = \frac{30.000.000.000}{94.499.998} = 317 \text{ đồng}$$

Tại ngày hoàn thành đợt chào bán (tạm tính tỷ lệ chào bán thành công là 100%), giả sử lợi nhuận sau thuế của CMM là 30 tỷ đồng, thu nhập trên mỗi cổ phần CMM tại ngày hoàn thành đợt chào bán được tính như sau:

$$\text{EPS}_{\text{ngày hoàn thành CB}} = \frac{30.000.000.000}{94.499.998 + 3.400.000} = 306 \text{ đồng}$$

Trên thực tế, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu sẽ ảnh hưởng đến chỉ số EPS của Công ty. Vì vậy nhà đầu tư cần có đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

5.2 *Rủi ro pha loãng Giá trị sổ sách mỗi cổ phần*

Công thức tính giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BV) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của CMM như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần (BVPS)} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Nguồn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}}$$

Ví dụ:

Giả sử Vốn chủ sở hữu của CMM tại ngày 30/11/2023 là 1.000 tỷ đồng. Công ty không có nguồn kinh phí và quỹ khác và không có cổ phiếu quỹ. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần CMM tại ngày 30/11/2023 được tính như sau:

$$\text{BVPS}_{\text{ngày 30/11/2023}} = \frac{1.000.000.000.000}{94.499.998} = 10.582 \text{ đồng/cổ phần}$$

Tại ngày hoàn thành đợt chào bán (tạm tính tỷ lệ chào bán thành công là 100%), giả sử nguồn vốn chủ sở hữu của CMM là 1.000 tỷ đồng, Công ty không có nguồn kinh phí và quỹ khác và không có cổ phiếu quỹ. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần CMM tại ngày hoàn thành đợt chào bán được tính như sau:

$$\text{BVPS}_{\text{ngày hoàn thành CB}} = \frac{1.000.000.000.000}{94.499.998 + 3.400.000} = 10.214 \text{ đồng/cổ phần}$$

Thực tế, sự thay đổi về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu sẽ ảnh

hường đến chỉ số giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty. Vì vậy nhà đầu tư cần có đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

5.3 *Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết*

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức phân phối thông qua đại lý phát hành mà không phải thực hiện theo tỷ lệ quyền mua của cổ đông hiện hữu, các cổ đông sẽ chịu rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của mình phụ thuộc vào quyết định đăng ký hoặc không đăng ký mua cổ phiếu trong đợt chào bán. Việc tăng/giảm tỷ lệ nắm giữ tương ứng với số lượng cổ phiếu đăng ký mua của các cổ đông.

6. **Rủi ro quản trị Công ty**

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban Điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty, v.v cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, v.v. khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

7. **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác có thể kể đến như thiên tai, cháy nổ, bệnh dịch, chiến tranh... Các rủi ro này thường ít xảy ra và khó lường trước được. Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. **CÁC KHÁI NIỆM**

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty/Tổ chức phát hành/ CMM/ Camimex Corp/ Camimex	:	Công ty Cổ phần Camimex
CTCP	:	Công ty cổ phần

ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	:	Hội đồng quản trị
TGD	:	Tổng Giám đốc
Tổ chức tư vấn	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI)
Điều lệ Công ty	:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CMND	:	Chứng minh nhân dân
CP	:	Cổ phần
VSD	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
HNX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
DTT	:	Doanh thu thuần
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
FED	:	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
BCTC	:	Báo cáo tài chính
GTGT	:	Giá trị gia tăng
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
GTCL	:	Giá trị còn lại
HLSE, CPD, HOSO, NOBASHI, PD, PTO, HLSO, TOPERDO ...	:	Mã các loại sản phẩm tôm nguyên liệu của CMM
Giá trị GD	:	Giá trị giao dịch

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Camimex Joint Stock Company
- Tên công ty viết tắt: Camimex Corp
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023
- Trụ sở chính: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: 02903831608 Fax: 02903580827
- Website: cmmseafood.com.vn
- Email: camimex@camimex.com.vn
- Vốn điều lệ: 944.999.980.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Mã cổ phiếu: CMM
- Sàn giao dịch: Upcom
- Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	1020 (Chính)	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến thủy sản các loại.
2		(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành, nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật).

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

- Năm 2013** Ngày 10/05/2013, HĐQT CTCP Chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau (hiện nay là CTCP Camimex Group) có Quyết định về việc góp vốn đầu tư để thành lập Công ty TNHH Thủy sản Camimex (viết tắt là Camimex Corp).
- Ngày 06/06/2013, Công ty TNHH Thủy sản Camimex chính thức được thành lập với vốn điều lệ 354,5 tỷ đồng tập trung vào hoạt động chế biến và kinh doanh các sản phẩm tôm. Trong đó, Công ty mẹ - CTCP Camimax Group chiếm 99,7% vốn điều lệ.
- Năm 2017** Công ty tăng vốn từ 354,5 tỷ đồng lên 415 tỷ đồng thông qua việc nhận góp vốn bằng thương hiệu là quyền sở hữu trí tuệ đối với các nhãn hiệu HATCHERY SHRIMP CAMIMEX và CAMIMEX từ CTCP Camimex Group. Với một công ty mới thành lập việc nhận góp vốn bằng thương hiệu giúp Công ty tăng cường độ nhận dạng đặc biệt với thị trường quốc tế nơi mà CTCP Camimex Group vốn đã có khách hàng, đối tác từ đó giúp Công ty đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu.
- Năm 2018** Để phù hợp với định hướng công ty có thể phát triển mở rộng ra các ngành nghề khác ngoài thủy sản, ngày 24/10/2018, ban lãnh đạo Công ty đã đổi tên Công ty từ “Công ty TNHH Thủy sản Camimex” thành “Công ty TNHH Camimex”.
- Năm 2019** Với mục đích mở rộng quy mô hoạt động, thu hút thêm các cá nhân, tổ chức tham gia vào quá trình phát triển của Công ty từ đó gia tăng quy mô vốn chủ, giảm tỷ lệ nợ vay đồng thời tạo tiền đề để tham gia vào thị trường chứng khoán, Ban lãnh đạo Công ty nhận định việc Camimex Corp chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty trách nhiệm sang Công ty cổ phần là tất yếu.
- Ngày 14/02/2019, Công ty chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Camimex. Mức vốn điều lệ đăng ký là 515.000.000.000 VNĐ (Năm trăm mười lăm tỷ đồng).
- Năm 2020** Công ty tăng vốn điều lệ lên 630 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020.
- Năm 2021** Trong năm 2021, Camimex Corp đạt cột mốc sản lượng sản phẩm các loại hơn 7.000 tấn, doanh thu thu về lần đầu tiên cán mốc hơn 2.000 tỷ - cao nhất kể từ khi thành lập.
- Năm 2022** Ngày 26/05/2022, Công ty nhận được công văn số 3158/UBCK-GSDC ngày 26/05/2022 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc trở thành công ty đại chúng.
- Ngày 28/10/2022, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã có Quyết định số 767/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP

Camimex. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CMM là ngày 08/11/2022.

Năm 2023 Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ Nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 2:1. Vốn điều lệ của Camimex tại ngày 1/8/2023 là 944.999.980.000 đồng.

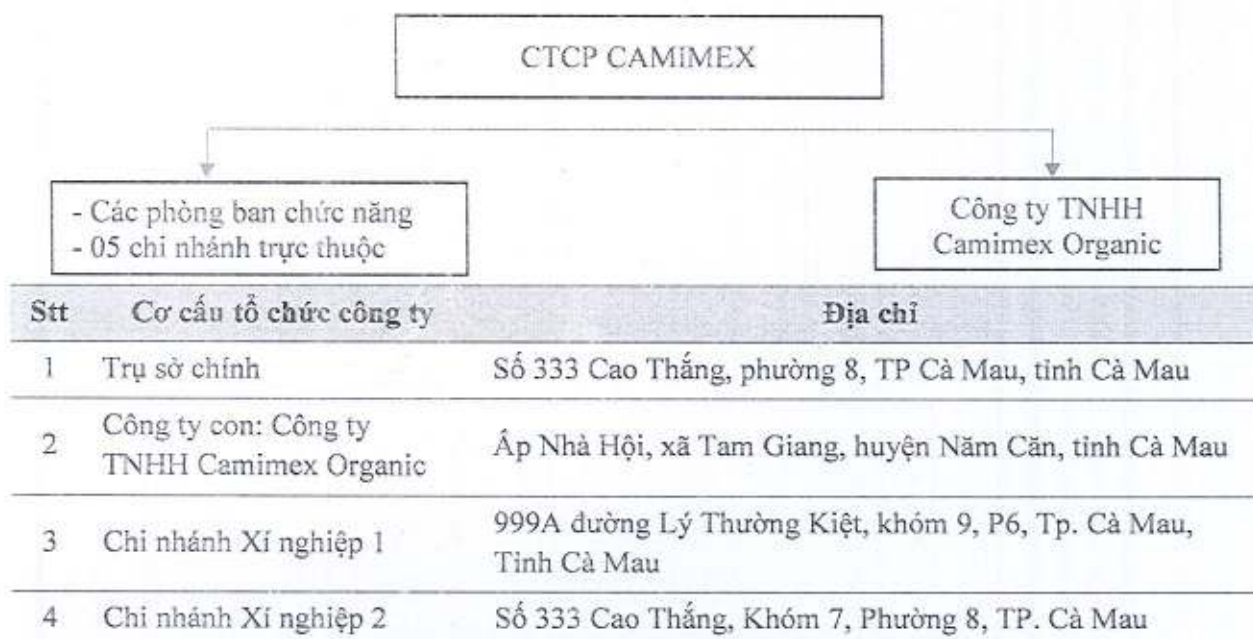
Các thành tựu đã đạt được của Công ty

Trải qua quá trình 10 năm hình thành và phát triển, từ 03 nhà máy có công suất khoảng 10.000 tấn/năm với máy móc thiết bị lạc hậu thì đến nay công suất các nhà máy của Công ty đã lên đến hơn 18.000 tấn/năm, tuân thủ nghiêm ngặt theo các chương trình quản lý chất lượng như GMP, SSOP, HACCP, ISO, BRC... và các yêu cầu cao nhất của khách hàng để tạo ra những loại sản phẩm tươi tốt, vệ sinh cao, đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt nhất của khách hàng. Cùng với đó, Doanh thu Công ty cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng từ mức 66 tỷ năm 2013, 705 tỷ năm 2014 lên hơn 2.000 tỷ năm 2021.

Kể từ ngày xuất khẩu đơn hàng đầu tiên (ngày 14/11/2013), đến nay các sản phẩm của Camimex Corp đã có mặt tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới đặc biệt tập trung vào các thị trường khó tính như Thụy Sĩ, Đức, Nhật, Hàn Quốc,....

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Camimex được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



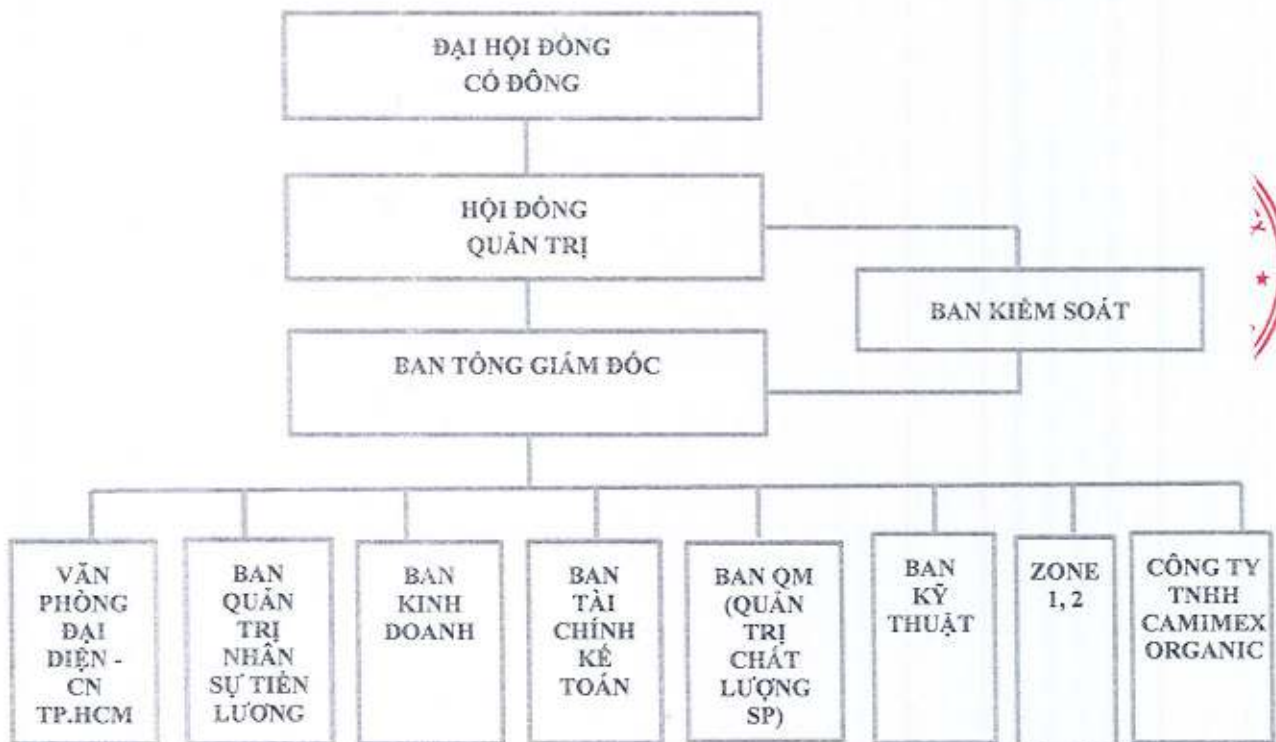
Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

Stt	Cơ cấu tổ chức công ty	Địa chỉ
5	Chi Nhánh Xí Nghiệp 4	224 Cao Thắng, Khóm 7, Phường 8, Tp. Cà Mau
6	Chi Nhánh Xí Nghiệp 5	999 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Tp. Cà Mau
7	Chi nhánh tại TP.HCM	33/3 Đường Gò Ô Môi, KP2, P. Phú Thuận, Q7, Tp.HCM

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

4.1. Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



4.2. Diễn giải sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

❖ Đại hội đồng Cổ đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) của Camimex Corp gồm có 01 (một) Chủ tịch, 04 (bốn) thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại có 03 thành viên, gồm có 01 (một) trưởng ban và 02 thành viên BKS, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm theo Quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban TGD của Công ty gồm có 01 (một) TGD, 02 (hai) Phó TGD và 01 (một) Kế toán trưởng (“KTT”). TGD do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó TGD và KTT do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của TGD.

Ban TGD hiện nay của Công ty là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực thủy sản.

❖ **Chi nhánh – Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh**

- Thực hiện quảng bá sản phẩm Tôm của Công ty tới khách hàng, tham gia các chương trình hội chợ, triển lãm;
- Hoạt động kho bãi cho thuê của Công ty và các chức năng khác công ty giao;
- Đảm nhiệm đại diện giao dịch với các khách hàng trong và ngoài nước tại TP. Hồ Chí Minh.

❖ **Các Phòng ban Công ty**

➤ **Ban quản trị Nhân sự Tiền lương**

- Phụ trách quản trị nhân sự, sắp xếp bộ máy quản lý điều hành, sản xuất theo yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Hoạch định, tuyển dụng và đào tạo, đánh giá năng lực nhân sự, xử lý vi phạm kỷ luật, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của người lao động.
- Phụ trách lao động tiền lương, chế độ phúc lợi và thực hiện chế độ chính sách theo quy định của pháp luật.
- Phụ trách soạn thảo, ban hành và cập nhật hồ sơ về chính sách xã hội.

➤ **Ban Kinh doanh**

- Bao gồm các phòng chức năng trực thuộc: Phòng Bán hàng, Phòng Mua hàng, Phòng Chứng từ, Phòng Kho. Phụ trách công tác mua hàng, bán hàng, chứng từ xuất nhập khẩu và quản lý kho;
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn khách hàng trong và ngoài nước, chiến lược và các hoạt động tiếp thị, quản lý xuất khẩu hàng hóa của công ty;
- Kết nối với các phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng và cung cấp thông tin hai chiều tạo nên sự hiểu biết và ủng hộ của công chúng đối với thương hiệu và các sản phẩm của Công ty.
- Quản lý các kho thành phẩm, kho vật tư công ty.

➤ **Ban Tài chính - Kế toán (Phòng Kế toán tài vụ)**

- Ghi chép, tính toán, phản ánh số liệu hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn trong quá trình và kết quả các hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình sử dụng kinh phí của công ty;
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu và nhiệm vụ kinh doanh, chỉ tiêu thu chi tài chính, thu nộp, thanh toán, kiểm tra việc sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn, kinh phí;
- Báo cáo, cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động tài chính, phục vụ công tác lập và theo dõi thực hiện kế hoạch, phục vụ cho công tác quản trị;
- Lập đầy đủ và đúng hạn các báo cáo kế toán, thống kê, báo cáo tài chính quyết toán của công ty theo đúng quy định;
- Phối hợp theo dõi tình hình thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách (thuế nhập khẩu, thuế GTGT, các khoản thuế khác). Thực hiện hồ sơ hoàn thuế GTGT, thuế TNCN,... đề xuất các biện pháp kịp thời nhằm đạt được kết quả công nhận quyết toán thuế tại công ty;
- Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu, chứng từ kế toán.

➤ **Ban QM (Quality Management - Quản lý chất lượng sản phẩm)**

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công nghệ kỹ thuật và các công nghệ hiện đại mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty;
- Cùng các Phòng, Ban và Zone nghiên cứu thử nghiệm phát triển mặt hàng mới;
- Cải tiến công nghệ phù hợp theo sự phát triển của thị trường về yêu cầu chất lượng sản phẩm;
- Cập nhật và nắm rõ tiêu chuẩn các thị trường xuất khẩu;
- Xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng cảm quan nguyên liệu và thành phẩm;
- Kết hợp với Giám đốc Zone lên kế hoạch sản xuất hàng đạt theo tiêu chuẩn của từng thị

trường tiêu thụ sản phẩm;

- Trực tiếp làm việc với khách và báo lịch kiểm hàng đến các Zone;
- Triển khai các tiêu chuẩn mới của khách hàng;
- Chịu trách nhiệm về đánh giá và duy trì các tiêu chuẩn: EU Organic, Naturland Organic, Biosuisse, Nafi 5, BRC, HACCP, BAP, ASC,...

➤ **Ban Kỹ Thuật**

- Kiểm tra công nghệ chế biến của các nhà máy, nhận chuyển giao đối với các thiết bị máy móc từ nước ngoài;
- Thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật của các nhà máy đã và đang trong quá trình hoạt động vận hành chế biến tôm;
- Xây dựng các chỉ tiêu máy móc, phối hợp với phòng sản xuất nhằm tối ưu hóa năng suất của mỗi nhà máy chế biến;
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về Công nghệ kỹ thuật và các công nghệ hiện đại mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty;
- Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty;
- Quản lý sử dụng, mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong các nhà máy chế biến của Công ty;

❖ **Zone 1, Zone 2 (Xí nghiệp 1, Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4, Xí nghiệp 5)**

- Zone 1 và Zone 2 tổ chức triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động sản xuất của các Xí nghiệp 1, Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4 và Xí nghiệp 5;
- Lên kế hoạch sản xuất, chế biến tôm theo từng ngày/tuần/tháng/quý báo cáo lên HĐQT, Ban TGD;
- Báo cáo tình hình hoạt động của các thiết bị máy móc: sửa chữa hỏng hóc, khấu hao tài sản; thay thế phụ tùng nếu có;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan về kế hoạch sản xuất theo từng ngày/tuần/tháng/quý;
- Tổ chức việc phân công ca cho khối công nhân, thực hiện điều hành giám sát các hoạt động chế biến trong quá trình các nhà máy hoạt động.

❖ **Công ty con**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản,

nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 79,21% tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a. Danh sách Công ty mẹ của tổ chức phát hành:

Từ năm 2021 đến thời điểm hiện tại, Công ty chỉ có 01 Công ty mẹ là Công ty cổ phần Camimex Group

Tên công ty: Công ty cổ phần Camimex Group (Camimex Group)

Năm thành lập: 2006

Giấy Chứng nhận ĐKDN số 2000103908 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 12/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 22/08/2022.

Địa chỉ: Số 333 đường Cao Thắng, khóm 7, P.8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Hoạt động kinh doanh chính: Nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy sản

Vốn điều lệ: 1.018.989.900.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Camimex Group tại CMM hiện nay: 72.472.500 cổ phiếu 76,69% vốn điều lệ của CTCP Camimex.

Tỷ lệ biểu quyết của Camimex Group tại CMM hiện nay: 76,69% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của CTCP Camimex.

b. Danh sách Công ty con của tổ chức phát hành:

Từ năm 2021 đến nay, CMM có 01 công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic

Tên công ty: Công ty TNHH Camimex Organic (Camimex Organic)

Năm thành lập: 2011

Giấy chứng nhận ĐKDN số 2001014506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 07/04/2011 và đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 03/12/2020

Địa chỉ: ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; Nuôi tôm, nuôi trồng thủy sản nội địa

Vốn điều lệ: 50.500.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của CMM tại Camimex Organic: 40.000.000.000 đồng, tương ứng với 79,21% vốn điều lệ của Công ty TNHH Camimex Organic.

Tỷ lệ biểu quyết của CMM tại Camimex Organic: 79,21%

c. *Danh sách Công ty mà tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối*

Công ty TNHH Camimex Organic

Thông tin về Camimex Group đã nêu tại mục IV.5.b của Bản cáo bạch

d. *Danh sách Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành*

Công ty cổ phần Camimex Group

Thông tin về Camimex Group đã nêu tại mục IV.5.a của Bản cáo bạch.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (tr.đồng)		Hình thức tăng vốn	Đơn vị chấp thuận
		Thực góp tăng thêm	Thực góp sau tăng vốn		
	2018		416.800	Vốn điều lệ ban đầu trước khi chuyển sang hoạt động CTCP	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp ngày 24/10/2018
1	02/2019	98.200	515.000	- Chào bán riêng lẻ: 6.000.000 cổ phiếu - Phát hành cổ phiếu thường: 3.820.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 14/02/2019 (chính thức hoạt động dưới hình thức CTCP)
2	08/2019	40.000	555.000	Chào bán riêng lẻ: 4.000.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/08/2019
3	03/2020	25.000	580.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 2.500.000 cổ phiếu	Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/03/2020
4	06/2020	50.000	630.000	Chào bán cho cổ	Giấy CN ĐKDN số

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

STT	Thời gian	Vốn điều lệ (tr.đồng)		Hình thức tăng	Đơn vị chấp thuận
				đồng hiện hữu: 5.000.000 cổ phiếu	2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020
5	7/2023	314.999	944.999	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Công văn số 5054/UBCK-CB ngày 28/07/2023 về báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu) Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Camimex)

Từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay, CMM không có đợt giảm vốn điều lệ nào.

Ý kiến của Đơn vị kiểm toán: Không có

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

CMM không có các khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 18/07/2023

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	193	94.499.998	100%
1	Tổ chức	01	72.472.500	76,69%
2	Cá nhân	192	22.027.498	23,31%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	Cộng	193	94.499.998	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 18/07/2023 do VSD cung cấp)

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021:

1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng được xác định như sau:

a) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;

c) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;

d) Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;

đ) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;

e) Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty."

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023, CMM hiện đang có 01 mã ngành nghề (1020) nằm trong danh mục chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, theo điểm a Khoản 1 Điều 139 đã dẫn chiếu, CMM tự xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của CMM hiện nay không quy định về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.
- Đại hội đồng cổ đông của Công ty không quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ xác định nêu trên.

- Năm 2022, CMM đã thực hiện Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 0% theo quy định tại Khoản 3 Điều 141 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Ngày 23/06/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 3924/UBCK-PTTT xác nhận hồ sơ thông báo của công ty là hợp lệ.

⇒ Do đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

- Hiện nay, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%, tương ứng với 0 cổ phiếu.

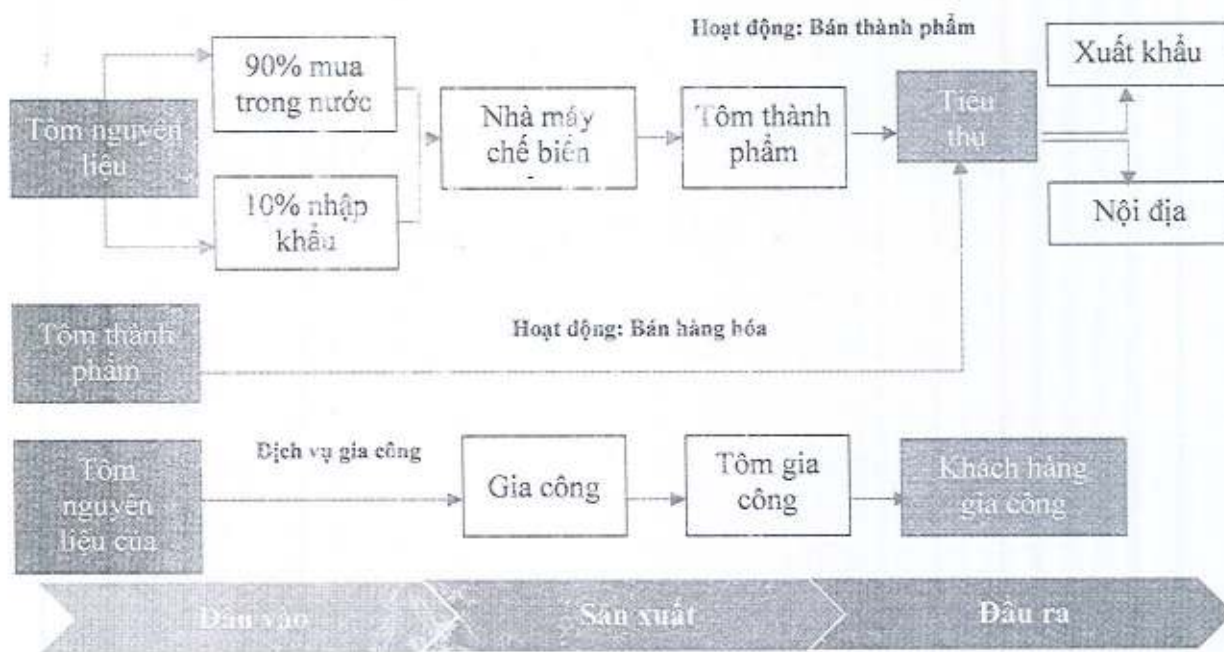
10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a) Sản phẩm và dịch vụ của Công ty

Hiện nay Camimex có 3 mảng hoạt động kinh doanh chính, bao gồm: bán thành phẩm, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ gia công.

Quy trình thực hiện 3 mảng hoạt động này thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



✦ Bán thành phẩm

Hoạt động chính của CTCP Camimex là chế biến và xuất khẩu tôm thủy sản tạo ra nguồn doanh thu chính cho Công ty từ hoạt động bán thành phẩm. Chuỗi hoạt động xuất khẩu tôm của Công ty trải từ công tác thu mua nguyên liệu từ các đại lý, nhà cung cấp đến khâu chế biến tại nhà máy và đem phân phối sản phẩm tại các thị trường trong nước cũng như xuất khẩu (Châu Âu, Mỹ, Canada, Nhật, Hàn,...). Trong đó:

- Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty là các loại tôm sú, tôm thẻ được thu mua chủ yếu

trong nước từ các hộ nông dân tại các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long (khoảng 90%) và nhập khẩu từ Ấn Độ (khoảng 10%).

Nhà máy chế biến: Sau quá trình thu mua tôm nguyên liệu bên ngoài, tôm được chuyển đến các nhà máy chế biến. Hiện tại, Công ty sở hữu 3 nhà máy chế biến tôm với tổng công suất hơn 18.000 tấn/năm

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Công suất	Sản phẩm
1	Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2	Khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	6.240 tấn/năm	tôm PTO tươi, tôm PTO hấp, Tôm tằm bột, tôm shushi
2	Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4	224 Cao Thắng, khóm 2, phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	6.120 tấn/năm	Tôm Nobashi, Tôm tằm bột, Tôm Block, tôm PTO tươi
3	Xí nghiệp chế biến thủy sản số 5	999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	6.000 tấn/năm	Tôm PTO,PD tươi; Tôm PTO, PD hấp; tôm tằm bột
	Tổng cộng		18.360 tấn/năm	

Các sản phẩm chủ yếu của Công ty gồm:

- + Tôm tươi: tôm nguyên con (HOSO) đông Semi - IQF, tôm HLSO (tôm lột đầu còn vỏ (HLSO) đông IQF, tôm lột vỏ chưa đuôi (PTO) đông IQF, PD (tôm lột hết vỏ) đông IQF, HLSO Block,...
- + Tôm hấp: tôm nguyên con (HOSO) hấp đông IQF, tôm nguyên con xiên que hấp đông IQF, tôm lột đầu còn vỏ (HLSO) hấp đông IQF, tôm lột vỏ còn đuôi (PTO) hấp đông IQF, PD hấp đông IQF,....
- + Sản phẩm giá trị gia tăng: tôm Nobashi, tôm tằm bột, tôm tằm bột chiên, tôm trộn gia vị, tôm xé bướm, tôm cuộn bánh tráng, tôm tempura, PD xiên que đông IQF, PD xiên que hấp đông IQF,...
- + Các sản phẩm trên được đóng gói thành phẩm quy chuẩn bao bì 1kg, 1.8 kgs, 2 kgs, 1 lb, 2 lbs, 2.5 lbs,...

Hệ thống kênh phân phối: Tôm thành phẩm được phân phối chủ yếu thông qua các hệ thống siêu thị, nhà hàng lớn ở nước ngoài. Doanh thu từ việc xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài chiếm bình quân 70% tổng doanh thu.

STT	Tên khách hàng	Quốc gia
1	COOP	Thụy Sĩ
2	TRANSGOURMET	Áo/Thụy Sĩ
3	H.F.FOODS	Canada

4	RASSAU	Đức
5	DKSH	Thụy Sĩ/Đức
6	GAPRO	Thụy Sĩ
7	GUIGEL	Pháp
8	OCEANS KOREA	Hàn Quốc
9	YUUN MEE	Áo
10	EIGER	Nhật Bản
11	Thủy sản Phát Đạt	Việt Nam
12	Thủy sản Năm Căn	Việt Nam

✦ *Bán hàng hóa*

Bên cạnh tôm thành phẩm được chế biến từ nhà máy, Camimex thực hiện kinh doanh mua thành phẩm từ các nhà máy, doanh nghiệp khác, không thông qua quá trình sản xuất, chế biến và trực tiếp tiêu thụ cho khách hàng trong, ngoài nước. Tuy nhiên hoạt động này chỉ chiếm tỷ trọng thấp, từ 4-7% tổng doanh thu.

✦ *Cung cấp dịch vụ gia công*

Tận dụng công suất, máy móc thiết bị sản xuất, Camimex nhận gia công tôm nguyên liệu cho khách hàng có nhu cầu gia công sản phẩm như lột vỏ, lột đầu, cấp đông, bao đóng gói sản phẩm. Doanh thu dịch vụ là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Một số hình ảnh sản phẩm của Camimex



Tôm Nobashi nhúng đuôi



Tôm lột đầu hấp



Tôm cuộn bánh tráng



Tôm sú PD xiên que



Tôm tempura



Tôm sú lột đầu



Tôm tằm bột



Tôm sushi



Tôm sủ lột



Tôm xuất khẩu



Tôm xuất khẩu

b) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Cơ cấu doanh thu của Công ty mẹ giai đoạn 2021 – Lũy kế Quý 3/2023

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Lũy kế Q3/2023	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Bán hàng hóa	0,3	0,02%	-	-	-	-
2	Bán thành phẩm, phụ phẩm	1.937,5	99,8%	2.355,4	99,9%	1.146,8	100,0%
3	Dịch vụ gia công	22,5	1,2%	0,6	0,1%	-	-
Tổng cộng		1.960,3	100,0%	2.356,0	100,0%	1.146,8	100,0%

Nguồn: BCTC riêng năm 2021 -2022 được kiểm toán; BCTC Riêng Quý 3/2023 tự lập của Công ty

Cơ cấu doanh thu Hợp nhất của Công ty giai đoạn 2021 – Lũy kế Quý 3/2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Lũy kế Q3/2023	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Bán hàng hóa	83,0	4,1%	78,5	3,2%	7,47	0,65%
2	Bán thành phẩm, phụ phẩm	1.938,3	94,8%	2.357,4	96,8%	1.146,8	99,35%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Lũy kế Q3/2023	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
3	Dịch vụ gia công	22,5	22,5%	0,6	0,02%	-	-
Tổng cộng		2.043,8	100,0%	2.436,5	100,0%	1.154,26	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 -2022 được kiểm toán; BCTC Hợp nhất Quý 3/2023 tự lập của Công ty

c) **Cơ cấu chi phí của Công ty**

Cơ cấu chi phí - Công ty mẹ giai đoạn 2021 - Lũy kế Quý 3/2023

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chi phí theo yếu tố	Năm 2021		Năm 2022		Lũy kế Quý 3/2023	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	1.716,6	87,6%	2.009,3	85,3%	956,9	83,4%
2	Chi phí tài chính	51,5	2,6%	103,7	4,4%	77,5	6,8%
3	Chi phí bán hàng	86,1	4,4%	111,4	4,7%	44,6	3,9%
4	Chi phí QLDN	43,8	2,2%	43,4	1,8%	36,7	3,2%
Tổng cộng		1.898,0	96,8%	2.267,8	96,3%	1.115,7	97,3%

Nguồn: BCTC Riêng năm 2021 -2022 được kiểm toán; BCTC Riêng Quý 3/2023 tự lập của Công ty

Cơ cấu chi phí – Hợp nhất giai đoạn 2021 – Lũy kế Quý 3/2023

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chi phí theo yếu tố	Năm 2021		Năm 2022		Lũy kế Quý 3/2023	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	1.794,60	87,8%	2.084,80	85,6%	953,5	82,6%
2	Chi phí tài chính	52,5	2,6%	103,7	4,3%	77,5	6,7%
3	Chi phí bán hàng	86,1	4,2%	111,4	4,6%	44,6	3,9%
4	Chi phí QLDN	46,9	2,3%	49,3	2,0%	46,7	4,0%
Tổng cộng		1.980,10	96,9%	2.349,20	96,4%	1.122,3	97,2%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 -2022 được kiểm toán; BCTC Hợp nhất Quý 3/2023 tự lập của Công ty

d) *Cơ cấu lợi nhuận gộp*

Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty mẹ giai đoạn 2021 – Lũy kế Quý 3/2023

Đơn vị: tỷ đồng

Sản phẩm	Năm 2021		Năm 2022		Lũy kế Quý 3/2023	
	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG
Bán hàng hóa	0,04	0,02	-	-	-	-
Bán thành phẩm	238,0	98,8	324	99,97	184,5	100,0
Dịch vụ gia công	3,0	1,2	0,1	0,03	-	-
Tổng cộng	241,0	100,0	324,1	100,0	184,5	100,0

Nguồn: CMM

Cơ cấu lợi nhuận gộp Hợp nhất giai đoạn 2021 – Lũy kế Quý 3/2023

Đơn vị: tỷ đồng

Sản phẩm	Năm 2021		Năm 2022		Lũy kế Quý 3/2023	
	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG	Giá trị	%/LNG
Bán hàng hóa	9,0	3,8	14,0	4,3	1,6	0,8
Bán thành phẩm	232,0	94,3	315,0	95,7	193,9	99,2
Dịch vụ gia công	5,0	1,9	-	-	-	-
Tổng cộng	246,0	100,0	329,0	100,0	195,5	100,0

Nguồn: CMM

e) *Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh*

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra đều đặn liên tục quanh năm và không có tính thời vụ.

10.2. Tài sản

Tài sản cố định – Công ty mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		NG	GTCL	NG	GTCL	NG	GTCL
I	Tài sản cố định hữu hình	486,6	289,3	530,8	292,7	557,8	290,7

1	Nhà cửa, vật kiến trúc	182,0	122,6	203,4	129,8	216,9	132,1
2	Máy móc thiết bị	266,6	149,2	286,7	145,8	293,2	133,9
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	36,6	17,3	39,2	16,9	46,1	24,6
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,6	0,3	1,6	159,5	1,6	0,1
II	Tài sản cố định vô hình	113,0	91,6	64,7	45,1	64,7	42,7
1	Quyền sử dụng đất	49,3	44,2	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Nhãn hiệu, tên thương mại	62,9	47,2	62,9	44,0	62,9	41,7
3	Chương trình phần mềm máy tính	0,8	0,2	0,7	0,09	0,8	0
III	Tài sản cố định thuê tài chính	45,4	22,3	45,4	13,4	45,4	6,7
1	Máy móc và thiết bị	45,4	22,3	45,4	13,4	45,4	6,7

Nguồn: BCTC Riêng năm 2021 -2022 được kiểm toán; BCTC Riêng Quý 3/2023 tự lập của Công ty

Tài sản cố định – Hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
		NG	GTCL	NG	GTCL	NG	GTCL
I	Tài sản cố định hữu hình	503,9	295,3	550,7	299,4	607,4	324,9
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	198,1	129,7	221,9	137,9	265,1	167,4
2	Máy móc thiết bị	267,2	149,3	287,3	145,8	293,8	134,0
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	37,0	16,1	39,9	15,5	46,9	23,4
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,6	0,3	1,6	0,2	1,6	0,1
II	Tài sản cố định vô hình	113,0	21,4	64,7	45,1	64,7	42,7
1	Quyền sử dụng đất	49,3	5,1	1,0	1,0	1,0	1,0
2	Nhãn hiệu, tên thương mại	62,9	15,7	62,9	44,0	62,9	41,7
3	Chương trình phần mềm	0,8	0,5	0,8	0,09	0,8	0

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

	máy tính						
III	Tài sản cố định thuê tài chính	45,4	22,3	45,4	13,4	45,4	6,7
1	Máy móc và thiết bị	45,4	22,3	45,4	13,4	45,4	6,7

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 -2022 được kiểm toán; BCTC Hợp nhất Quý 3/2023 tự lập của Công ty)

Tên, Nguyên giá, Giá trị còn lại (GTCL) của các tài sản lớn thuộc sở hữu của CMM tại ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	GTCL
I	Tài sản cố định hữu hình	134,9	87,4
1	Văn phòng Công ty	5,6	4,4
2	Văn phòng, nhà xưởng kho lạnh 1.500T	8,5	7,1
3	Kho lạnh 1.500T	20,1	15,9
4	Nhà máy xí nghiệp	20,1	16,5
5	Hệ thống IQF 700 kg/h	11,8	4,2
6	Hệ thống IQF 500 kg/h	17,3	3,5
7	Hệ thống tủ đông gió..	14,7	10,9
8	Máy tằm bột	10,1	6,1
9	Thiết bị kho lạnh	17,4	11,4
10	Hệ thống làm lạnh	9,3	7,4
II	Tài sản cố định vô hình	62,9	41,7
1	Nhãn hiệu, tên thương mại	62,9	41,7
III	Tài sản cố định thuê tài chính	24,8	4,1
1	Băng chuyền cấp đông IQF-CS 600kg/h	24,8	4,1

Nguồn: CMM

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

10.3. Thị trường hoạt động

Hiện tại, CMM có hoạt động bán sản phẩm/hàng hóa trong nước và nước ngoài. Các thị trường nước ngoài chủ yếu của Công ty gồm: Châu Âu, Hàn Quốc, Canada, Úc, Nhật Bản Tại thị trường trong nước, các sản phẩm của Công ty được cung cấp chủ yếu cho các chuỗi siêu thị uy tín, có nhiều cơ sở tại các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước.

Doanh thu phân theo thị trường hoạt động của Công ty như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9T/2023	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
I	Công ty mẹ	1.957	100	2.334	100	1.147	100
1	Trong nước	617	31,54	581	24,89	217	18,93
2	Nước ngoài	1.340	68,46	1.753	75,11	930	81,07
-	Châu Âu	673	34,38	900	38,56	539	46,99
-	Canada	119	6,08	185	7,93	115	9,98
-	Hàn Quốc	355	18,14	425	18,21	161	14,01
-	Nhật	55	2,81	84	3,60	36	3,16
-	Các quốc gia khác	138	7,05	159	6,81	79	6,93
II	Hợp nhất	2.041	100	2.414	100	1.154	100
1	Trong nước	701	34,35	661	27,39	224	19,46
2	Nước ngoài	1.340	65,65	1.753	72,61	930	80,54
-	Châu Âu	673	32,96	900	37,28	539	46,68
-	Canada	119	5,83	185	7,66	115	9,92
-	Hàn Quốc	355	17,39	425	17,66	161	13,92
-	Nhật	55	2,69	84	3,48	36	3,14
-	Các quốc gia khác	138	6,76	159	6,59	79	6,88

Nguồn: CMM

Lợi nhuận phân theo thị trường hoạt động của Công ty như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		9T/2023	
		Giá trị	%/LN	Giá trị	%/LN	Giá trị	%/LN
I	Công ty mẹ	241	100,00	324	100,00	185	100
1	Trong nước	29	12,04	15	4,63	20	10,51
2	Nước ngoài	212	87,96	309	95,37	167	89,49
-	Châu Âu	141	58,51	171	52,78	102	54,85
-	Canada	21	8,71	35	10,80	24	12,81
-	Hàn Quốc	22	9,13	55	16,98	23	12,34
-	Nhật	5	2,07	14	4,32	3	1,66
-	Các quốc gia khác	23	9,54	34	10,49	15	7,84
II	Hợp nhất	246	100	329	100	195	100
1	Trong nước	34	13,82	20	6,07	28	14,49
2	Nước ngoài	212	86,18	309	93,93	167	85,51
-	Châu Âu	141	57,32	171	51,98	102	52,41
-	Canada	21	8,54	35	10,64	24	12,24
-	Hàn Quốc	22	9,94	55	16,72	23	11,79
-	Nhật	5	2,03	14	4,26	3	1,58
-	Các quốc gia khác	23	9,35	34	10,33	15	7,49

Nguồn: CMM

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính.

a) Tình hình đầu tư

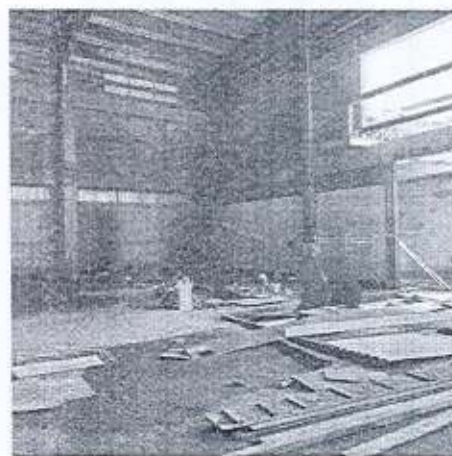
❖ Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất

Năm 2023, CMM thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy Xí nghiệp 1, nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu cao của thị trường. Một số thông tin về nhà máy như sau:

- Tên dự án: Dự án Xí nghiệp 1 thuộc Công ty cổ phần Camimex
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Camimex
- Địa điểm thực hiện dự án: 999 Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau (Khu đất Zone 1 có diện tích 2,5ha). Hiện nay khu đất này đang có nhà máy Xí nghiệp 5 với công suất hoạt động khoảng 8.000 tấn thành phẩm/năm. Nhà máy Xí nghiệp 1 dự kiến xây dựng có diện tích 4.000m².

- Tổng vốn đầu tư dự án: 303,5 tỷ đồng từ vốn vay và vốn tự có, trong đó xây dựng cơ bản chiếm 42,9% tổng vốn đầu tư, Máy móc thiết bị: 57,1% tổng vốn đầu tư.
- Mục đích xây dựng nhà máy: Để đáp ứng nhu cầu đang ngày càng tăng cao cho mặt hàng tôm tằm bột, tôm tempura (gọi chung là hàng Giá trị gia tăng) từ các nước Châu Âu, CMM thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy Xí nghiệp 1 chuyên sản xuất hàng Giá trị gia tăng với công suất dự kiến 8.000 tấn sản phẩm/năm (có thể dao động tùy cơ cấu mặt hàng).
- Nhà máy dự kiến hoạt động vào cuối 2023 - Q1.2024.
- Tiến độ hiện nay của Nhà máy: Hiện nay nhà máy Xí nghiệp 1 đã hoàn thiện phần xây dựng cơ bản và lắp đặt xong một số máy móc thiết bị chính. Trong Quý IV/2023, Công ty sẽ hoàn thiện công trình để đi vào hoạt động (lắp đặt điện, điều hòa không khí, hệ thống nước ..) trong cuối năm 2023 - Quý I/2024.

Một số hình ảnh nhà máy hiện tại:



❖ **Đầu tư vào công ty con**

Năm 2019, CMM tham gia đầu tư tại Công ty TNHH Camimex Organic với tổng vốn đầu tư 40 tỷ đồng, tương ứng với 79,21% vốn điều lệ của Công ty TNHH Camimex Organic (CMO).

CMO là công ty chuyên gây trồng và cung cấp các sản phẩm giống tôm nguyên liệu và tôm sinh thái cho CMM. CMO hiện đang quản lý vùng nuôi tôm sinh thái rộng 300ha cùng công nghệ, kỹ thuật nuôi tôm sinh thái tiên tiến, đảm bảo chất lượng các sản phẩm cung cấp cho CMM. Đây cũng là thế mạnh cạnh tranh của CMM khi khâu sản xuất được kiểm soát khép kín từ nhập nguyên liệu con giống, vùng nuôi trồng và cung cấp sản phẩm từ chuỗi khép kín này.

b) Hiệu quả đầu tư

Sau khi nhà máy Xí nghiệp 1 hoàn thành, trong điều kiện kinh tế chung không có nhiều biến động tiêu cực, dự kiến hiệu quả đầu tư được thể hiện bởi một số chỉ số kì vọng sau:

- Giá trị hiện tại của dòng tiền (NPV): 727 tỷ đồng
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR): 39%
- Thời gian hoàn vốn có chiết khấu: 02 năm 05 tháng
- Một số chỉ tiêu hoạt động dự phóng 05 năm:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
Sản lượng (tấn)	6.000	6.400	7.200	8.000	8.000
Doanh thu (tỷ đồng)	150	212,5	212,5	212,5	212,5
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	145,3	158,9	183,1	208,4	209,6

c) Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Dự kiến sau khi hoàn thiện xây dựng xong nhà máy sản xuất của Xí nghiệp 1, tổng công suất sản xuất của Camimex có thể lên hơn 24.000 tấn/năm.

10.5. Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn trong giai đoạn 2021 – Quý III/2023

TT	Tên đối tác	Tên Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian ký kết	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty
	Hợp đồng mua hàng						
1	Công ty Thiên Mã Quỳnh	05/HĐNL-2021	Tôm nguyên liệu	02/01/2021	321.814	2021	Không có

TT	Tên đối tác	Tên Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian ký kết	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty
2	Công ty Bùi Ngọc Trâm	01/HĐNL-2021	Tôm nguyên liệu	02/01/2021	225.541	2021	Không có
3	Công ty Organic	05/HĐNL-2021	Tôm nguyên liệu	02/01/2021	229.913	2021	Công ty con của CMM
4	Công ty Thiên Mã Quỳnh	04/HĐNL-2022	Tôm nguyên liệu	02/01/2022	146.008	2022	Không có
5	Công ty Organic	02/HĐNL-2022	Tôm nguyên liệu	02/01/2022	247.387	2022	Công ty con của CMM
6	Công ty Bùi Ngọc Trâm	01/HĐNL-2022	Tôm nguyên liệu	02/01/2022	116.210	2022	Không có
7	Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	02/HĐNL-2023	Tôm nguyên liệu	02/01/2023	Hợp đồng nguyên tắc	2023	Không có
8	Công ty TNHH MTV Thủy sản Kiều Phương	01/HĐNL-2023	Tôm nguyên liệu	02/01/2023	Hợp đồng nguyên tắc	2023	Không có
9	Công ty TNHH Thương Mại Kim Ngân Phú	05/HĐNL-2023	Tôm nguyên liệu	02/01/2023	Hợp đồng nguyên tắc	2023	Không có
10	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Vĩnh Hải	04/HĐNL-2023	Tôm nguyên liệu	02/01/2023	Hợp đồng nguyên tắc	2023	Không có
11	Công ty Camimex Organic	01/HĐNL-2023	Tôm nguyên liệu	02/01/2023	Hợp đồng nguyên tắc	2023	Công ty con của CMM
12	Công ty CP Camimex Foods	02/HĐNL-2023	Tôm nguyên liệu	02/01/2023	Hợp đồng nguyên tắc	2023	Tổ chức có liên quan của Chủ tịch HĐQT
	Hợp đồng bán hàng						

TT	Tên đối tác	Tên Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian ký kết	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty
1.	SOJITZ	152IK3120100	NBS	20/05/2021	687,500	2021	Không có
2.	LAGOON	05102J	PTO, CPTO, HLISO	17/12/2021	346,620	2021	Không có
3.	REWE	01274J	PD	03/08/2021	1,480,000	2021	Không có
4.	LANDAUER	01006K	HOSO	08/08/2022	133,440	2022	Không có
5.	YUUNMEE	09263K	CPD, PTO, TOPERDO	19/07/2022	150,636	2022	Không có
6.	COOP	02-2022	PD, PTO, HLISO, TOPERDO	01/01/2022	7,839,360	2022	Không có
7.	SEACON	01404L	HOSO, PD	17/04/2023	192,895	2023	Không có
8.	COLIMPO	01468L	PD	24/04/2023	229,350	2023	Không có
9.	YUUN MEE	02263L	HLSE, CPD	21/04/2023	152,375	2023	Không có
10.	COOP	01-2023	PD, PTO, HLISO, TOPERDO	01/01/2023	3.630.070	2023	Không có
11.	STUTZER & CO.AG	05438L-RV/676526	PD, PTO, HLISO	29/08/2023	160.000	2023	Không có
12.	E-MART	14235L	PTO, TOPERDO	31/08/2023	134.435	2023	Không có
13.	YUUN MEE	05263L	HLSE, CPD	18/08/2023	146.424	2023	Không có
14.	AQUA LINK CO.,LTD	25157L	TOPERDO	09/08/2023	106.332	2023	Không có

TT	Tên đối tác	Tên Hợp đồng	Sản phẩm	Thời gian ký kết	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với người nội bộ, cổ đông lớn của Công ty
15.	LOTTE INTERNATIONAL CO.,LTD.	03150L	PTO, PD, CPTO	18/08/2023	96.040	2023	Không có

(Nguồn: Công ty Cổ phần Camimex)

Các điều khoản quan trọng khác của Hợp đồng: Không có

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Danh sách khách hàng, nhà cung cấp chính

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị GD (tỷ đồng)	Giá trị GD/ DT, GVHB (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
I	Năm 2021					
I.1	Khách hàng	666,6	34,1%			
1	LOTTE INTERNATIONAL CO.,LTD.	58,9	3,0%	2021	PTO	Không có
2	COOP, BASEL	302,2	15,4%	2021	PD, PTO, HLISO, TOPERDO,HOSO	Không có
3	YUUN MEE FINE FOOD VERTRIEBS-GMBH	53,9	2,8%	2021	PD, PTO, HLISO, TOPERDO	Không có
4	H.T.FOODS PVT LTD	48,9	2,5%	2021	TOPERDO, PD	Không có
5	TRANSGOURMET SWITZERLAND AG	46,4	2,4%	2021	PD, PTO, HLISO, TOPERDO,HOSO	Không có
6	TOPPITS FOODS LTD.	48,8	2,5%	2021	PD, PTO, HLISO, NOBASHI,	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị GD (tỷ đồng)	Giá trị GD/ DT, GVHB (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
7	SOMA PROJECT CO.,LTD	58,1	3,0%	2021	PD, PTO, HLSD, TOPERDO,NOBAS HI	Không có
8	PARIS FOODS	49,2	2,5%	2021	PD,HOSO	Không có
I.2	Nhà cung cấp	891,4	51,9%			
1	Công ty Bùi Ngọc Trâm	225,5	13,1%	2021	Tôm nguyên liệu	Không có
2	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Vĩnh Hải	105,5	6,1%	2021	Tôm nguyên liệu	Không có
3	Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	321,8	18,8%	2021	Tôm nguyên liệu	Không có
4	Công ty Organic	229,9	13,4%	2021	Tôm nguyên liệu	Công ty con của CMM
5	Công ty Nhất Phát	8,6	0,5%	2021	Tôm nguyên liệu	Không có
II	Năm 2022					
II.1	Khách hàng	749,8	32,1%			
1	COOP, BASEL	372,9	16,0%	2022	PD, PTO, HLSD, TOPERDO,HOSO	Không có
2	YUUN MEE FINE FOOD VERTRIEBS-GMBH	54,4	2,3%	2022	PD, PTO, HLSD, TOPERDO	Không có
3	TRANSGOURMET SWITZERLAND AG	60,8	2,6%	2022	PD, PTO, HLSD, TOPERDO,HOSO	Không có
4	E-MART INC	56,8	2,4%	2022	PTO,TOPERDO	Không có
5	TOPPITS FOODS LTD.	61,2	2,6%	2022	PD, PTO, HLSD, NOBASHI,	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị GD (tỷ đồng)	Giá trị GD/ DT, GVHB (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
6	HAEWOO SEAFOOD CO.,LTD.	58,1	2,5%	2022	PTO, NOBASHI,	Không có
7	MORUBEL NV	38,1	1,6%	2022	PD, PTO, HLISO, HOSO	Không có
8	LLC "RETAIL SERVICE"	47,2	2,0%	2022	PD, PTO, HLISO, HOSO	Không có
II.ii	Nhà cung cấp	1.182,9	58,9%			
1	Công ty Bùi Ngọc Trâm	116,2	5,8%	2022	Tôm nguyên liệu	Không có
2	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Vĩnh Hải	37,9	1,9%	2022	Tôm nguyên liệu	Không có
3	Công ty TNHH Thương Mại Kim Ngân Phú	635,4	31,6%	2022	Tôm nguyên liệu	Không có
4	Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	146,0	7,3%	2022	Tôm nguyên liệu	Không có
5	Công ty Organic	247,4	12,3%	2022	Tôm nguyên liệu	Công ty con của CMM
III	Năm 2023					
II.1	Khách hàng	160,1	68,8%			
1.	AQUA LINK CO.,LTD	6,7	2,9%	Quý 1.2023	TOPERDO	Không có
2.	COOP, BASEL	79,8	34,3%	Quý 1.2023	PD, PTO, HLISO, HOSO, TOPERDO	Không có
3.	YUUN MEE FINE FOOD VERTRIEBS-GMBH	9,7	4,2%	Quý 1.2023	PD, PTO, HLISO, TOPERDO	Không có
4.	TRANSGOURMET SWITZERLAND AG	16,0	6,9%	Quý 1.2023	PD, PTO, HLISO, TOPERDO	Không có
5.	E-MART INC	13,3	5,7%	Quý 1.2023	TOPERDO	Không có

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị GD (tỷ đồng)	Giá trị GD/ DT, GVHB (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
6.	STUTZER & CO.AG	9,3	4,0%	Quý 1.2023	PD, PTO, HLSO, HOSO	Không có
7.	REWE ZENTRAL AG	7,0	3,0%	Quý 1.2023	PD	Không có
8.	METRO RICHELIEU INC	17,9	7,7%	Quý 1.2023	PD, PTO, HLSO	Không có
9.	COOP, BASEL	153,2	22,6%	Quý 2.2023	PD, PTO, HLSO, HOSO, TOPERDO	Không có
10.	TRANSGOURMET SWITZERLAND AG	34,6	5,1%	Quý 2.2023	PD, PTO, HLSO, TOPERDO	Không có
11.	METRO RICHELIEU INC	59,8	8,8%	Quý 2.2023	PD, PTO, HLSO	Không có
12.	LP FOODS PTE LTD	16,9	2,5%	Quý 2.2023	PD, HOSO	Không có
13.	AQUA LINK CO.,LTD	13,2	1,9%	Quý 2.2023	TOPERDO	Không có
14.	DKSH GMBH	9,3	1,4%	Quý 2.2023	PD	Không có
15.	SOJITZ FOODS CORPORATION	9,4	1,4%	Quý 2.2023	NOBASHI	Không có
16.	BLUEYOU TRADING GMBH	9,5	1,4%	Quý 2.2023	PD, PTO, HLSO, HOSO, TOPERDO	Không có
II.II	Nhà cung cấp	56,7	10,2%			
1	Công ty TNHH MTV XNK Thủy Sản Vĩnh Hải	5,7	1,0%	2023	Tôm nguyên liệu	Không có
2	Công ty TNHH Thương Mại Kim Ngân Phú	7,2	1,3%	2023	Tôm nguyên liệu	Không có
3	Công ty Organic	12,9	2,3%	2023	Tôm nguyên liệu	Công ty con của CMM

STT	Tên khách hàng/nhà cung cấp	Giá trị GD (tỷ đồng)	Giá trị GD/ DT, GVHB (%)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH
4	Công ty CP Camimex Foods	30,8	5,5%	2023	Tôm nguyên liệu	Tổ chức có liên quan của Chủ tịch HĐQT

(Nguồn: Công ty Cổ phần Camimex)

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

➤ Lợi thế về chất lượng sản phẩm, chứng nhận tôm sinh thái

Camimex Corp là công ty con của Camimex Group. Camimex Group là doanh nghiệp duy nhất của Việt Nam đạt chứng nhận sinh thái EU Organic, BIO SUISSE cho chuỗi sản phẩm tôm sinh thái: từ con giống sinh thái, vùng nuôi sinh thái đến sản phẩm sinh thái. Đối với sản phẩm sinh thái, càng mở rộng chuỗi giá trị bao nhiêu thì khả năng đảm bảo giá bán cũng như mức giá bán, đánh giá của người tiêu dùng càng có khả năng tăng cao bấy nhiêu.

Camimex Corp cùng công ty mẹ cũng đạt được chứng nhận IMO cấp độ cao nhất cho sản phẩm tôm sinh thái với các khác biệt vô cùng lớn so với các doanh nghiệp khác cũng làm trong ngành thủy sản sinh thái không chỉ ở Việt Nam mà còn cả trên thế giới như mật độ che phủ rừng lên tới 70%, diện tích mặt nước nuôi tôm chỉ 30%.

Một điểm khác không thể không kể đến là dự án sinh thái của Camimex Group đã trải qua hơn 20 năm (Camimex bắt đầu triển khai dự án tôm sinh thái năm 2000, và được cấp chứng nhận Naturland từ năm 2002) là thời điểm đạt lợi nhuận cao, giá bán có thể tăng theo biến động của thị trường trong khi lại ít bị ảnh hưởng bởi các biến động tiêu cực của thị trường hơn. Hơn nữa, bản chất của loại chứng nhận này là cần thời gian dài để đầu tư công sức và tài chính, phải theo lộ trình, cần sự kiên trì, không thể làm nhanh và chi phí ban đầu bỏ ra rất lớn trong khi thời gian thu hồi lâu. Từ đó, có thể nói mặt hàng tôm sinh thái của Camimex Corp rất khó bị cạnh tranh.

➤ Lợi thế về vùng nuôi:

Hiện nay diện tích nuôi tôm sinh thái của Công ty tôm giống sinh thái (công ty có liên quan với Camimex Corp) và các hộ dân/đối tác nuôi trồng đạt hơn 7.000 ha tại lâm trường Cà Mau. Cần nhấn mạnh, tính đến tháng 10 năm 2021, toàn tỉnh Cà Mau chỉ có khoảng 22.000 ha¹ diện tích nuôi tôm sinh thái được cấp chứng chỉ quốc tế. Như vậy, diện tích nuôi tôm có liên quan đến Camimex Corp đã chiếm đến hơn 30% tổng diện tích được cấp chứng chỉ của toàn tỉnh. Diện tích nuôi tôm sinh thái được mở rộng 10-20% hằng năm, có thể mở rộng lên tới 50.000 ha nhờ các hộ dân tin

¹ Theo Tạp chí viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam <https://tapchi.vaas.vn/vi/nong-nghiep-trong-nuoc/chau-tho-cuu-long-huong-den-nen-nong-nghiep-xanh>

tương và có hợp đồng rõ ràng với Camimex Corp, cam kết đồng hành cùng Camimex Corp vì giá thu mua của Công ty luôn cao hơn thị trường (bởi có giá bán cao hơn so với các công ty khác).

Trên thế giới cũng không có nước nào có điều kiện thuận lợi để nuôi tôm sú sinh thái giống Việt Nam. Thái Lan, Ấn Độ, Trung Quốc,... vẫn chủ yếu tập trung nuôi tôm thẻ công nghiệp vì thời gian nuôi ngắn. Camimex Corp lại nằm ở Cà Mau, không một nơi nào ở Việt Nam cũng như trên thế giới có điều kiện địa lý và khí hậu có lợi thế hoàn hảo để nuôi tôm đến vậy. Cụ thể, Cà Mau có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt với diện tích rừng ngập mặn che phủ lớn, chiếm đến 77% rừng ngập mặn của Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, khí hậu nhiệt đới gió mùa thuận lợi cho tôm (warm water shrimp) sinh trưởng, phát triển nên có thể thu hoạch tôm quanh năm.

✦ Lợi thế về chuỗi giá trị:

Thế mạnh của Camimex Corp nói riêng và Camimex Group nói chung không chỉ là ở uy tín, thương hiệu sinh thái lâu đời hay điều kiện địa lý, khí hậu thuận lợi của nước ta mà còn ở những điểm mà không một doanh nghiệp nào ở Việt Nam và rất ít doanh nghiệp trên thế giới làm được: như quy trình sản xuất khép kín từ con giống sinh thái, nuôi tôm sinh thái đến sản xuất chế biến tôm sinh thái xuất khẩu, độ che phủ rừng hay mật độ thả nuôi.

Tập trung xuất khẩu sản phẩm sang thị trường khó tính như EU, Camimex Corp luôn đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu và xây dựng yêu cầu này thành văn hóa doanh nghiệp trong toàn bộ người lao động.

b. Triển vọng phát triển của ngành

Giai đoạn 2022 – 2025, ngành thủy sản Việt Nam có nhiều động lực để thúc đẩy tăng trưởng, bao gồm:

✦ Vị thế ngành tôm Việt Nam

Với đặc điểm bờ biển dài hơn 3,260 km, Việt Nam có vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng hơn 1 triệu km². Việt Nam cũng có vùng mặt nước nội địa lớn rộng hơn 1,4 triệu ha nhờ hệ thống sông ngòi, đầm phá dày đặc. Vị trí và điều kiện tự nhiên giúp nước ta có tiềm năng phát triển ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản vô cùng lớn.

Năm 2021, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đợt dịch Covid-19. Trong đó kim ngạch xuất khẩu tôm năm 2021 đạt 3,9 tỷ USD (tăng 5,4% so với năm 2020). Trên cơ sở đó, VASEP nhận định trong vài năm tới, ngành tôm còn nhiều động lực để tăng trưởng, giai đoạn 2022-2025 có thể tăng trưởng khoảng 9%/năm; đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu tôm có thể đạt 5,6 tỷ USD.

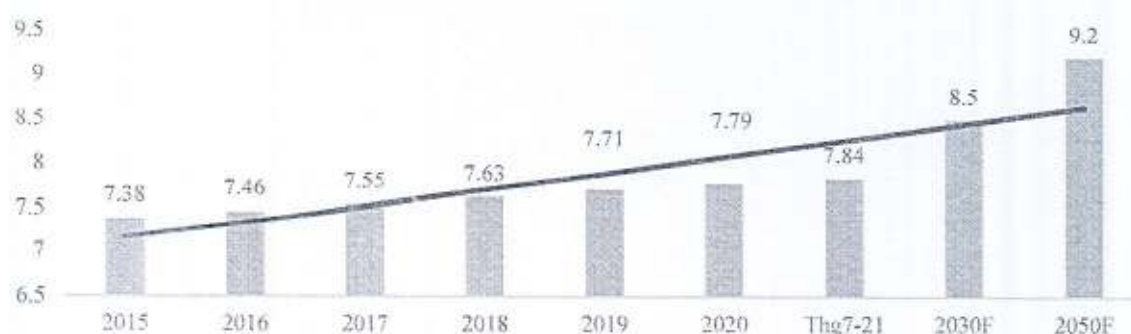
✦ Nhu cầu tiêu thụ tăng cao:

- Gia tăng dân số thế giới

Dựa trên báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO), đến năm 2050, dân số thế giới sẽ vượt 9 tỷ người. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được duy trì giúp gia tăng tầng lớp trung lưu. Theo đó, tiêu thụ thủy sản nuôi trồng sẽ gia tăng. Nếu tốc độ tiêu thụ vẫn giữ

nguyên như hiện nay thì sản lượng thủy sản phải tăng thêm 56% nữa mới đáp ứng đủ nhu cầu.

Dân số thế giới 2015 – 2050 F



Nguồn: <https://danso.org/dan-so-the-gioi/>

- Động lực từ các thị trường xuất khẩu chính:

▪ Thị trường Mỹ:

(1) Theo Vasep, thị phần tôm năm 2021 của Việt Nam tại thị trường Mỹ tăng lên 13% từ 11% năm 2020. Mỹ vẫn sẽ là thị trường nhập khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam vào năm 2022. Với sự phục hồi nhu cầu của chuỗi Horeca và thế mạnh về tôm chế biến, xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Mỹ năm nay sẽ tiếp tục tăng.

(2) Hơn nữa, ngành tôm của Ấn Độ, nước xuất khẩu tôm lớn nhất đến thị trường Mỹ, có thể sẽ bị ảnh hưởng bởi việc Bộ Thương mại Mỹ (US DOC) tăng gấp đôi thuế chống bán phá giá đối với tôm xuất khẩu từ Ấn Độ. Ngày 24/11/2021, DOC Hoa Kỳ công bố kết quả cuối cùng của đợt rà soát hành chính lần thứ 15 về thuế chống bán phá giá đối với tôm đông lạnh từ Ấn Độ, trong đó xác định mức thuế chống bán phá giá là 7,15%, tăng 2,3 lần so với kết quả rà soát hành chính lần thứ 14 đạt 3,06%. Trong khi đó, nhiều nhà xuất khẩu tôm của Việt Nam đang được hưởng thuế chống bán phá giá ở mức 0%. Đây sẽ là cơ hội để Việt Nam tăng thị phần tại Hoa Kỳ khi sản lượng của tôm Ấn Độ có thể bị giảm do sự thay đổi này

▪ Thị trường EU:

(1) Ưu đãi thuế quan từ các FTA sẽ thúc đẩy nhập khẩu thủy sản vào thị trường EU. Trong năm 2022, mức thuế áp dụng cho tôm đông lạnh và tôm chế biến sẽ giảm xuống còn 2,5% và 18,7% từ mức 5% và 22,5% trong năm 2021.

(2) Hưởng lợi từ việc xuất khẩu thủy sản của Nga bị hạn chế ở nhiều thị trường. Cụ thể, tại thị trường chính là Mỹ, nhập khẩu thủy sản trực tiếp từ Nga bị cấm trong năm 2022. Bên cạnh đó, các nước châu Âu khác như Anh áp thuế 35% đối với các sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ Nga. Điều này có thể khiến các nhà nhập khẩu e ngại khi mua sản phẩm thủy sản của Nga, ngay cả đối với các sản phẩm chế biến nhập khẩu gián tiếp từ các nước khác được miễn thuế nhưng có nguyên liệu đầu vào xuất xứ từ Nga.

c. **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước**

- Do sự bùng nổ dân số cùng với sự phát triển của nền kinh tế thế giới, nhu cầu tiêu thụ thực phẩm nói chung, hàng thủy sản và tôm nói riêng có xu hướng tăng. Dự báo, sản lượng sản xuất thủy sản Việt nam sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.
- Theo Quyết định số 1445/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030, mục tiêu của Chính phủ là xây dựng ngành thủy sản là một ngành sản xuất hàng hóa lớn, có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Định hướng đến năm 2030, tổng sản lượng thủy sản đạt khoảng 9,0 triệu tấn, trong đó sản lượng khai thác thủy sản chiếm khoảng 30%; sản lượng nuôi trồng thủy sản chiếm khoảng 70%; giá trị xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 20 tỷ USD; tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6 – 7%/năm (giai đoạn 2020 – 2030) và khoảng 80% số lao động thủy sản được đào tạo, tập huấn. Nước ta chủ trương xây dựng các làng cá ven biển, hải đảo thành các cộng đồng dân cư giàu truyền thống tương thân, tương ái, có đời sống văn hóa tinh thần đậm đà bản sắc riêng. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp áp dụng các công nghệ, mô hình nuôi tiên tiến, tiêu chuẩn mới (GAP, BMP, CoC) gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.
- Với yếu tố khách quan và chủ quan, Camimex Corp được đánh giá là doanh nghiệp xuất khẩu tôm có tính ổn định với chất lượng tôm sinh thái được ưa chuộng với các thị trường thế giới yêu cầu khắt khe nhất như EU. Mô hình nuôi tôm sinh thái vừa bảo vệ môi trường rừng ngập mặn của tỉnh Cà Mau vừa đảm bảo chất lượng cao nên được sự hỗ trợ, khuyến khích mạnh mẽ của Nhà nước Việt Nam. Nguồn nguyên liệu nuôi trồng chủ động hơn từ năm 2020 cũng là yếu tố cạnh tranh, bên cạnh đó Công ty cũng tập trung đầu tư nghiên cứu tuyển chọn giống tôm sú và tôm thẻ nhằm chống được bệnh tật và đạt chất lượng cao cho tôm sinh thái.

10.8. Hoạt động Marketing

Cùng với việc phát triển và duy trì các hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chất lượng, công tác tiếp thị là một trong những khâu quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động này đã và đang được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng xây dựng, củng cố. Cụ thể trong thời gian qua, Công ty đã có các hoạt động sau:

- Chính sách giá cả

Giá cả sản phẩm là yếu tố đặc biệt quan trọng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty quản lý sát sao chi phí nguyên vật liệu đầu vào cũng như bộ máy sản xuất, quản lý để giá thành của thành phẩm ở mức phù hợp và có tính cạnh tranh trên thị trường, chính vì lý do này mà giá cả sản phẩm của Công ty luôn được thị trường trong và ngoài nước chấp nhận.

- Chiến lược sản phẩm

Về sản phẩm, Công ty cùng với nhà phân phối tìm hiểu nhu cầu thị trường và sản xuất các mặt hàng đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Công ty hiện đang tập trung phân phối vào Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật, Canada. Đây là thị trường truyền thống của Công ty đặc biệt là thị trường

Châu Âu có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định.

Do thị trường tiêu thụ của Công ty là những thị trường có nền kinh tế phát triển, đời sống của người tiêu dùng cao nên công ty đã xây dựng nên thương hiệu tôm sinh thái với chất lượng vượt trội được người tiêu dùng các nước Châu Âu đón nhận. Sản phẩm của công ty không chỉ đảm bảo về dinh dưỡng mà còn tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã lấy chất lượng sản phẩm làm cam kết xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của mình, đồng thời luôn chú trọng thay đổi mẫu mã sản phẩm, bao bì cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

- **Xúc tiến thương mại**

Thương hiệu là một chỉ tiêu sống còn mà Công ty đã đề ra trong tiến trình hội nhập và cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Do trình độ công nghệ thông tin, liên lạc ngày càng phát triển và thuận tiện, vì vậy việc tìm kiếm khách hàng cũng thuận lợi hơn rất nhiều. Đặc biệt qua các kỳ hội chợ trong nước và quốc tế như: Hội chợ thủy sản ở Boston (Hoa Kỳ), Hội chợ thủy sản ở Brussels (Bi), Hội chợ thủy sản ở Nhật Bản, Hội chợ Vietfish của Việt Nam,... Công ty đã gặp gỡ và giao lưu với nhiều khách hàng cũ cũng như mới, từ đó mở ra được các cơ hội tốt cho công việc bán hàng của mình.

Ngoài ra, công ty có những chính sách khác để tạo dựng tên tuổi của mình như: Đẩy mạnh việc giao dịch qua mạng, qua các kênh bán hàng online đối với khách hàng nước ngoài như Alibaba.; Tham gia, tạo mối quan hệ gắn bó với hiệp hội nhà nhập khẩu

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo của Công ty:



Nhãn hiệu của Công ty đã được đăng ký và bảo hộ theo đơn số 4-2018-15315 và được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận theo quyết định số 221 ngày 22/06/2018.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong giai đoạn ngày càng cạnh tranh khốc liệt, xuất khẩu tôm của Việt Nam vấp phải sự cạnh tranh về giá bán từ các thị trường xuất khẩu như Thái Lan, Ấn Độ, Indonesia và Ecuador. Việc nghiên cứu ra các sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao và chất lượng tốt về an toàn thực phẩm luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty. Camimex đã thành lập một ban chuyên môn nghiên cứu các sản phẩm mới, với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ kinh nghiệm. Đó là tích cực đa dạng hóa các sản phẩm, khảo sát nhu cầu thị trường để từ đó lựa chọn cho Công ty các thị trường mục tiêu nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hiện Công ty đang nghiên cứu và đưa ra những sản phẩm mới, dịch chuyển các sản phẩm thô sang các mặt hàng giá trị gia tăng như tẩm bột, marinate, filo... và các phẩm ăn liền tempura, sushi, ring.

Việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới được đánh giá có tác động tích cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của CMM. Nhờ việc phát triển các sản phẩm tôm phù hợp với thị hiếu thị trường (các dòng tôm tẩm bột, tôm chế biến sẵn) mà CMM có thể nâng cao năng lực cạnh

tranh với các đối thủ trong ngành. Đặc biệt, CMM đạt được cả chứng nhận Trại giống sinh thái và vùng nuôi sinh thái. Sản phẩm sinh thái được giám sát và chứng nhận bởi Naturland (Chứng chỉ tôm sinh thái), và IMO (Tổ chức cấp chứng chỉ tôm sinh thái), BIO SUISSE (Chứng chỉ tiêu chuẩn nhập khẩu của Thụy Sĩ). Toàn bộ sản phẩm sinh thái của công ty được bao tiêu, xuất khẩu sang Thụy Sĩ, Đức, Áo... Do đó, việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới từ tôm sinh thái càng được các nhà tiêu thụ đánh giá cao và là lợi thế cạnh tranh cho CMM.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Một số chiến lược kinh doanh phù hợp đã được Ban lãnh đạo của Công ty đề xuất, bao gồm:

a) Chiến lược phát triển của Công ty:



➤ Nhằm bắt thị trường mới:

- Công ty tìm cách tiếp cận mạng lưới khách hàng mạnh trong thị trường mới bằng cách tích cực liên hệ với khách hàng tiềm năng cũng như tham gia các hội chợ thương mại để tiếp thị sản phẩm.

➤ Tăng hiệu quả và công suất chế biến:

- Để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và để phát triển vững mạnh, Camimex Copr đã và đang tập trung vào việc đổi mới, nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng để có được công suất tối ưu cho việc phát triển, mở rộng.

➤ Tăng mô hình tích hợp:

- Ngoài việc ổn định vùng nuôi hiện có, xây dựng cơ sở nuôi tôm sinh thái và tăng cường liên kết thêm với các nông lâm trường tại Cà Mau để tăng khả năng cung cấp nguyên liệu ổn định, chất lượng cao cho nhà máy chế biến. Camimex Corp còn tăng cường nhập khẩu nguyên liệu chất lượng cao về để chế biến hàng giá trị gia tăng xuất khẩu, mua đúng loại nguyên liệu, size cỡ cần thiết cho sản xuất nên giảm được tồn kho và tăng được hiệu quả sản xuất.

➤ **Tăng lợi nhuận:**

- Camimex Corp có lợi thế để tăng lợi nhuận do việc là doanh nghiệp mới thành lập nên dễ dàng cơ cấu, sắp đặt sản xuất, nhân sự để có hoạt động tối ưu, kiểm soát được đầu vào đầu ra.

➤ **Củng cố và tăng thị phần trong nước, quốc tế:**

- Lợi thế cạnh tranh của Camimex Corp là thừa hưởng uy tín thương hiệu hơn 40 năm qua của Camimex Group bao gồm mô hình tích hợp nuôi tôm, chế biến, quan hệ với các khách hàng chủ chốt, chất lượng sản phẩm cao đặc biệt là tôm sinh thái, cung cấp sản phẩm đa dạng, khả năng đáp ứng đơn đặt hàng nhanh chóng.

b) Định hướng phát triển của Công ty:

Đối với định hướng phát triển trong tương lai, Camimex Corp chú trọng việc gắn kết phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, cân bằng giữ lợi ích của Công ty và môi trường xã hội, thể hiện qua các tiêu chuẩn cam kết sau:

➤ **Nguồn nguyên liệu:**

- Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên, đặc biệt là lợi thế về nuôi tôm sú sinh thái và các lợi thế về môi trường, công nghệ chế biến để phát triển nguồn nguyên liệu ổn định, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Phát triển quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và các thành tựu khoa học kỹ thuật mang tính đột phá, thân thiện với môi trường, phù hợp với đặc điểm sinh thái để tăng năng suất, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn có chất lượng cao đạt chứng nhận tôm sinh thái.

➤ **Nâng cao chất lượng sản phẩm từ việc áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến.**

- Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên (đặc biệt là lợi thế nuôi tôm sú sinh thái) các lợi thế về môi trường, công nghệ chế biến để phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Ngày nay, việc áp dụng khoa học công nghệ đang được xem là kim chỉ nam để các doanh nghiệp thủy sản phát triển bền vững. Tuy nhiên, để làm được điều này, các doanh nghiệp cần phải có giải pháp công nghệ phù hợp với mục tiêu phát triển, đặc biệt khi nhắm tới các thị trường xuất khẩu khó tính như Nhật, Mỹ, EU....
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng - chế biến hải sản không chỉ giúp tăng năng suất, chất lượng mà còn giúp các doanh nghiệp phát triển bền vững, mang tính đột phá, khi có được nguồn nguyên liệu ổn định, khâu chế biến thủy sản cũng cần có bước phát triển hơn nữa như đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất, góp phần đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia cũng như quốc tế. Bên cạnh đó, việc chế biến thủy sản cần tập trung vào những sản phẩm mới, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.
- Chỉ tiếp nhận nguyên liệu đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu đối với

từng sản phẩm trong Công ty.

↓ **Hệ thống xử lý nước thải của 3 Nhà máy đạt chuẩn.**

- Nhà máy số 2, số 4 và sắp tới là nhà máy số 5 của Camimex liên tục được nâng cấp bằng những công nghệ hiện đại của Nhật Bản, đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn lao động. Hệ thống dây truyền máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng, góp phần giảm thải các khí như carbon dioxide, methane, và các loại chất thải khác.
- Ngay từ khi thành lập tới nay, Công ty luôn đặt vấn đề an toàn với môi trường lên hàng đầu. Hệ thống xử lý chất thải luôn được ưu tiên, đặc biệt là các nguồn chất thải lỏng được xử lý hóa học, bằng các bể chứa lọc – tinh xử lý đến từng ml chất thải thân thiện với môi trường.
- Hệ thống gom xử lý chất thải hữu cơ như vỏ tôm, đầu tôm để làm nguyên vật liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất chitin chitosan,... đều được xử lý vận chuyển an toàn nhất với bên thứ 3 xử lý môi trường.
- Tất cả các nhà máy, vùng nuôi tôm của Camimex đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng. Thường xuyên kiểm tra định kỳ đối với vùng nuôi tôm sinh thái thực hiện đúng các điều kiện về tỷ lệ rừng – nuôi tôm, hay việc tuyệt đối không dùng thức ăn bổ sung. Đảm bảo nguồn nước nuôi trồng hoàn toàn tự nhiên theo tiêu chuẩn của IMO, các chủ hộ liên kết thực hiện quản lý khu vực nuôi trồng của mình không có bất cứ nguồn chất thải độc hại nào vào môi trường sinh sống của tôm sinh thái.
- Các hệ thống xử lý chất thải đều được cấp giấy phép chứng nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp phép từ khi các nhà máy bắt đầu hoạt động đến nay. Hàng quý, Công ty đều có báo cáo đánh giá của các bên có chuyên môn thẩm định nước thải, không khí, tiếng ồn để báo cáo lên các cấp chính quyền. Đến nay, nhà máy hoàn toàn được sự ủng hộ của chính quyền và nhân dân địa phương tin tưởng tạo điều kiện cho Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh.

↓ **Sử dụng nguyên vật liệu an toàn với môi trường**

- Camimex Corp sử dụng bao bì đóng gói có thể tái chế bằng các chất liệu cói, xốp phân hủy và các chất liệu có tính tự hủy để bảo vệ môi trường.

↓ **Sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả**

- Với diện tích gần hơn 7.000 ha diện tích nuôi trồng tôm sinh thái, theo đúng cam kết tiêu chuẩn của IMO: Diện tích rừng 70% - Diện tích nuôi trồng 30%, bằng hình thức nuôi hoàn toàn tự nhiên mà không có bất kỳ sự can thiệp cơ học vào quá trình hình thành và phát triển của tôm. Điều này cho thấy việc nuôi trồng không chỉ không có ảnh hưởng xấu nào mà còn giúp rừng ngập mặn của Cà Mau ngày càng được cải thiện bởi mức độ phủ rừng mà Công ty tạo lên.

- Vấn đề về tiếng ồn, môi trường nước, môi trường được hoàn toàn đảm bảo bởi các nhà máy của công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại từ Nhật với tiêu chí tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tiêu thụ điện năng thấp. Hệ thống xử lý khép kín, thu ngắn thời gian xử lý chế biến tôm nên thời gian lưu ngoài của tôm rất ngắn giúp giảm thiểu mùi ra bên ngoài. Sức người được sử dụng hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa trong việc một vài công đoạn hỗ trợ máy móc.
- Tôm được bắt đầu đưa vào băng các băng truyền được xử lý nước tối ưu trên từng bàn chế biến hàng loạt bởi nước được tái sử dụng do quá trình lắng cặn nước nên tiết kiệm lên tới 70% lượng nước so với trước kia.
- Ưu việt của sử dụng công nghệ chế biến của Nhật Bản đã giúp công nhân chủ động trong việc sử dụng, điều tiết, phân phối nguồn nước đặc biệt có thể làm cho nền nhà xưởng luôn giữ được khô ráo, tiết giảm được điện sử dụng cho máy lạnh, góp phần đảm bảo sức khoẻ công nhân viên, hạn chế sự phát triển của vi sinh vật.

🔗 Phát triển bền vững và có trách nhiệm với xã hội:

Công ty đặt lợi ích người tiêu dùng lên hàng đầu, bởi được người tiêu dùng tin tưởng lựa chọn là sự phát triển của Công ty. Camimex luôn luôn tuân thủ mọi yêu cầu khắt khe về chất lượng theo các tiêu chuẩn quy định đạt được nhiều chứng chỉ uy tín cho chất lượng sản phẩm Thị trường Mỹ, EU, và các nước Đông Á đang ủng hộ tiêu thụ với sản lượng ngày càng tăng trong các năm qua.

c) Thời gian dự kiến thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến:

- Các chiến lược phát triển của CMM được đưa ra với dự kiến thời gian thực hiện trong vòng 03 – 05 năm. Trong quá trình thực hiện, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tiến hành đánh giá hiệu quả, quy mô thực hiện để điều chỉnh các chiến lược kinh doanh phù hợp.
- Để thực hiện các mục tiêu kinh doanh, CMM lựa chọn các nguồn vốn vay (từ các ngân hàng, cá nhân), nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và huy động vốn trên thị trường chứng khoán. Trong năm 2023, Công ty thực hiện huy động vốn để bổ sung vốn lưu động, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của CMM.
- Để thực hiện các mục tiêu kinh doanh, CMM cần huy động mọi nguồn lực về nhân sự, năng lực tài chính và nâng cao cơ sở vật chất, máy móc hoạt động cho việc sản xuất kinh doanh để ứng biến với sự thay đổi không ngừng của khí hậu (ảnh hưởng đến việc nuôi trồng thủy sản), kinh tế (ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh) ... của thế giới và Việt Nam.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Tiêu chí	ĐVT	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
I	Theo trình độ lao động		1.073	1.264	1.384
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	136	156	187
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	937	1.108	1.197
II	Theo tính chất hợp đồng lao động		1.073	1.264	1.384
1	Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	Người	28	32	34
2	Lao động không xác định thời hạn	Người	1.033	1.224	1.339
3	Lao động trong thời gian thử việc	Người	12	8	11

(Nguồn: Công ty Cổ phần Camimex)

11.2. Chính sách với người lao động

➤ Chế độ làm việc

- Tất cả lao động làm việc ở Công ty đều theo chế độ hợp đồng lao động. Tùy theo công việc và đối tượng lao động mà có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn. Các chính sách đối với người lao động được thực hiện và tuân thủ theo quy định của Luật lao động và các quy định khác của Nhà nước.
- Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Ngoài ra, Công ty còn hỗ trợ tiền ăn trưa (ăn ca) với toàn thể cán bộ công nhân viên.

➤ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với ngành nghề hoạt động. Nguyên tắc phân phối tiền lương cho người lao động là đảm bảo quyền lợi của người lao động được hưởng đầy đủ theo quy định của Nhà nước, cụ thể:

- Tiền lương của tất cả cán bộ công nhân viên tính theo sản phẩm và có cơ chế thúc đẩy theo doanh thu cho các bộ phận, phòng ban;

- Tiền thưởng hàng tháng bình bầu xếp loại A, B, C cho từng cán bộ công nhân viên theo tiêu chuẩn công việc hoàn thành xuất sắc và ngày công đầy đủ để xếp hạng thưởng.
- Gắn việc phân phối tiền lương với quản lý và sử dụng lao động hợp lý của các bộ phận trên cơ sở sử dụng các nguồn nhân lực hiện có để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Chính sách thưởng và phúc lợi: Với mục đích động viên, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty hăng hái, tích cực trong công việc, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả công việc, ngoài chính sách khen thưởng định kỳ hàng năm cho người lao động, Công ty còn có chủ trương khen thưởng đột xuất cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công việc được giao hoặc có những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý, phần thưởng khuyến khích học tập cho con em cán bộ công nhân viên đạt loại khá giỏi hằng năm,... đem lại những hiệu quả thiết thực cho kết quả hoạt động chung của toàn Công ty.

Chính sách đào tạo: Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, công ty đã xây dựng quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn gửi các cán bộ có thành tích xuất sắc và năng lực tốt đi tham gia vào các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức hoặc do các trường Đại học, Trung tâm dạy nghề mở để nâng cao tay nghề, nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn.

➤ Chính sách trợ cấp

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

➤ Chế độ bảo hiểm sức khỏe

Ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc theo quy định của Nhà nước, CBCNV của công ty khi ký hợp đồng lao động chính thức từ 1 năm trở lên.

➤ Quy chế phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động:

Công ty không có quy chế cụ thể để áp dụng trong toàn bộ quá trình hoạt động, hàng năm, dựa trên kết quả kinh doanh đạt được, Hội đồng quản trị sẽ trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động cụ thể.

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, cổ tức sẽ được Công ty công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành

xong các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021-2022 như sau:

	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ cổ tức	Không chia	2,04% (*)
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Không có

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 2804/ĐHCD.2022 ngày 28/04/2022, tháng 05/2022, Camimex đã thực hiện tạm ứng cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 2,04%/mệnh giá.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong 2 năm gần nhất (2021-2022), Công ty không thực hiện chào bán thêm cổ phiếu thu tiền về để tăng vốn điều lệ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

14.1. Tình hình sử dụng đất

Hiện nay, CMM đang sở hữu và quản lý một số lô đất sau:

TT	Khu đất	Diện tích sử dụng (m2)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê	Số tiền thuê/năm
1	GCNQSD.CT 00515 (17/08/2015)- Cà Mau	14.928,8	Xí nghiệp 2 và văn phòng Công ty	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	17/08/2015-08/11/2054	Nộp tiền thuê đất 1 lần
2	GCNQSD.CT 00643 (28/07/2016)- Cà Mau	6.734,0	Xí nghiệp 4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	28/07/2016-05/11/2064	Nộp tiền thuê đất 1 lần
3	GCNQSD.CT 05471 (15/10//2020)-Cà Mau	25.448,5	Xí nghiệp 5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	15/10/2020-21/05/2043	Nộp tiền thuê đất 1 lần
4	GCNQSD.CT 00619 (17/05//2016)-Cà Mau	1.325,6	Xí nghiệp 4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	17/08/2016-05/11/2054	Nộp tiền thuê đất 1 lần
5	GCNQSD.CT 00618 (17/05//2016)-Cà Mau	39,7	Xí nghiệp 4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	17/05/2016-05/11/2054	Nộp tiền thuê đất 1 lần

6	GCNQSD.CT 31431 (24/01//2014)-Cà Mau	2.292,2	Kho lạnh & văn phòng	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	24/01/2014- 09/04/2048	284.435.962 đồng/năm
Tổng cộng		50.768,8				

Ngoài các lô đất trên, Công ty không có những cam kết chưa thực hiện, bao gồm việc phát sinh các hợp đồng thuê sử dụng đất khác với bảng kê khai trên, trái phiếu chưa đáo hạn hoặc các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

14.2. Phát hành trái phiếu

Thực hiện Nghị quyết số 2602/2021/NQ/HĐQT ngày 26/02/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Camimex, Công ty đã thực hiện phát hành 1.000.000 trái phiếu riêng lẻ (mệnh giá 100.000 đồng) để bổ sung vốn lưu động (mua nguyên vật liệu sản xuất) với kỳ hạn 02 năm kể từ ngày phát hành. Lô trái phiếu này đã đáo hạn vào Quý I/2023 (ngày 11/03/2023). Toàn bộ gốc và lãi trái phiếu đã được CMM thanh toán đầy đủ cho trái chủ.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết CMM không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích theo nội dung Công văn số 16/CV.CMC.23 ngày 13/07/2023.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ giai đoạn 2021- Lũy kế Quý 3/2023

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm	Lũy kế Quý 3/2023
- Tổng giá trị tài sản	1.930,5	2.207,5	14,3%	2.657,2
- Doanh thu thuần	1.960,2	2.355,9	20,2%	1.141,5
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	71,7	121,9	70,0%	55,3
- Lợi nhuận khác	1,5	0,3	(80,0%)	(0,3)
- Lợi nhuận trước thuế	73,2	122,2	66,9%	55,0
- Lợi nhuận sau thuế	63,1	108,1	71,3%	48,9
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	-	2,04%	-	-

Nguồn: BCTC Riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán; BCTC Riêng Quý 3/2023 tự lập của Công ty)

Kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất giai đoạn 2021- Lũy kế Quý 3/2023

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm	Lũy kế Quý 3/2023
- Tổng giá trị tài sản	1.921,8	2.214,2	15,2%	2.663,1
- Doanh thu thuần	2.043,8	2.436,5	19,2%	1.149,0
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	73,2	121,1	65,4%	56,3
- Lợi nhuận khác	1,5	(0,1)	(106,7%)	(0,6)
- Lợi nhuận trước thuế	74,6	121,0	62,2%	55,7
- Lợi nhuận sau thuế	64,0	106,9	67,0%	49,3
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	-	2,04%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán; BCTC Hợp nhất Quý 3/2023 tự lập của Công ty

- Các chỉ tiêu khác: Không có
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

a) Thuận lợi

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành trẻ trung, năng động và có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty.
- Thủy hải sản là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, do vậy Nhà nước có nhiều chính sách ưu đãi, tạo điều kiện phát triển như hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ nông dân nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ xuất khẩu thủy sản.
- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực giúp cho Camimex Group nói chung và Camimex Corp nói riêng được giảm thuế nhập khẩu về 0%, giúp tăng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU. Đồng thời, Ấn Độ - đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam vẫn đang gặp khó khăn do dư lượng kháng sinh cao. Tại thị trường Nhật Bản, việc Việt Nam gia nhập CPTPP cũng hỗ trợ cho Camimex Group xuất khẩu sang thị trường này.
- Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng và chế biến tôm các loại. Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ tay nghề cao, gắn bó lâu dài.
- Công ty đã đầu tư hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, có tỷ lệ hao hụt thấp, đảm bảo chất lượng sản phẩm đồng đều.
- Camimex Corp tọa lạc tại vùng tôm nguyên liệu Cà Mau, Bạc Liêu,... nên Công ty đã sàng lọc và lựa chọn nhiều đại lý có uy tín để cung cấp nguyên liệu đầu vào để kịp thời sản xuất.
- Camimex Group và Camimex Corp trực tiếp sở hữu vùng nuôi tôm sinh thái gần 800 ha nhờ đó tạo được thế mạnh nguồn nguyên liệu sạch, tăng thêm uy tín thương hiệu trên thương trường.

b) Khó khăn

- Năm 2021, 2022 ngành tôm phải đương đầu với những thách thức lớn, đặc biệt từ tháng 5-2021, khi dịch Covid-19 lan rộng, cùng với đó là tình trạng hạn hán, mặn xâm nhập gây nhiều khó khăn đối với người nuôi và doanh nghiệp cả trong hoạt động sản xuất và xuất khẩu.
- Sự mất giá đồng EURO và đồng YEN gây khó khăn cho Công ty khi xuất khẩu vào thị trường EU và thị trường Nhật Bản. Tỷ giá biến động thất thường cũng gây ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược của Công ty.
- Giá tôm nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất. Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh trong quá trình thu mua nguyên liệu.
- Vốn cần để mua nguyên liệu lớn, trong khi đó nguồn vốn của Công ty còn hạn chế. Hạn mức ngân hàng cung cấp cho các công ty thủy sản trong các năm qua còn hạn chế.

- c) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của CMM kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Tình hình vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Vốn điều lệ	630	630	945

(Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC Quý 3/2023 soát xét của Công ty)

Vốn điều lệ thực góp của Công ty là 945 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động kể từ khi hoạt động đến nay, Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn như đã trình bày tại Mục IV.6 Bản cáo bạch.

Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính Công ty bao gồm:

Vốn kinh doanh – Công ty mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
NỢ PHẢI TRẢ	1.074,2	1.255,9	1.656,8
Nợ ngắn hạn	949,2	1.232,0	1.621,3
Nợ dài hạn	125,1	23,9	35,5
VỐN CHỦ SỞ HỮU	856,3	951,6	1.000,4
TỔNG NGUỒN VỐN	1.930,5	2.207,5	2.657,2

(Nguồn: BCTC Riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC Riêng Quý 3/2023 tự lập của Công ty)

Vốn kinh doanh – Hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Vốn kinh doanh	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
NỢ PHẢI TRẢ	1.049,8	1.248,1	1.647,7
Nợ ngắn hạn	924,7	1.224,2	1.612,2

Vốn kinh doanh	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Nợ dài hạn	125,1	23,9	35,5
VỐN CHỦ SỞ HỮU	871,9	966,1	1.015,4
TỔNG NGUỒN VỐN	1.921,8	2.214,2	2.663,1

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC Hợp nhất Quý 3/2023 tự lập của Công ty)

Vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng như sau:

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh – Công ty mẹ

(Đơn vị: tỷ đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.342,7	1.643,1	2.109,5
Tiền và các khoản tương đương tiền	23,3	5,2	5,4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	5,0	12,8
Các khoản phải thu ngắn hạn	460,9	738,5	501,5
Hàng tồn kho	851,1	880,3	1.573,3
Tài sản ngắn hạn khác	7.359,4	14,1	16,5
TÀI SẢN DÀI HẠN	587,7	564,5	547,7
Các khoản phải thu dài hạn	7.618,7	8.440,8	1,0
Tài sản cố định	403,2	351,2	340,1
Tài sản dở dang dài hạn	71,2	88,3	97,8
Đầu tư tài chính dài hạn	95	95	90,0
Tài sản dài hạn khác	10,6	21,5	18,8
TỔNG TÀI SẢN	1.90,5	2.207,5	2.657,2

(Nguồn: BCTC Riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC Riêng Quý 3/2023 tự lập của Công ty)

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh – Hợp nhất

(Đơn vị: tỷ đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.353,8	1.668,5	2.117,8
Tiền và các khoản tương đương tiền	24,2	5,8	6,4

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	5,0	12,8
Các khoản phải thu ngắn hạn	471,1	763,3	508,6
Hàng tồn kho	851,1	880,3	1.573,3
Tài sản ngắn hạn khác	7,3	14,1	16,7
TÀI SẢN DÀI HẠN	568,0	545,7	545,3
Các khoản phải thu dài hạn	7,6	8,4	1,0
Tài sản cố định	409,2	357,9	374,3
Tài sản dở dang dài hạn	80,8	97,9	97,8
Đầu tư tài chính dài hạn	95,0	95,0	50,0
Tài sản dài hạn khác	15,4	26,5	22,2
TỔNG TÀI SẢN	1.921,8	2.214,2	2.663,1

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý 3/2023 tự lập của Công ty

b) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian trích khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05
Tài sản cố định thuê tài chính (Máy móc và thiết bị)	05

(Nguồn: BCTC năm 2022 được kiểm toán)

Trong 02 năm gần đây và cho đến thời điểm hiện tại Công ty không thay đổi phương pháp tính khấu hao.

c) **Mức lương bình quân**

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng, v.v. căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo quy chế của Công ty.

Mức lương bình quân của người lao động Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Mức lương bình quân	Đồng/người/tháng	6.950.000	7.600.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Camimex)

So với mức lương cơ bản theo quy định của doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề trên địa bàn, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là khá tốt.

d) **Tình hình công nợ**

❖ **Tình hình các khoản phải thu**

Các khoản phải thu – Công ty mẹ

(Đơn vị: tỷ đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	460,9	738,5	501,5
Phải thu của khách hàng	425,6	624,4	271,2
Trả trước cho người bán	31,8	110,4	210,7
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4,5	4,6	20,5
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(0,9)	(0,9)	(0,9)
Các khoản phải thu dài hạn	7,6	8,4	1,0
Phải thu dài hạn khác	7,6	8,4	1,0
Tổng cộng	468,5	746,9	502,5

Nguồn: BCTC năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC Quý 3/2023 tự lập của Công ty

Các khoản phải thu – Hợp nhất

(Đơn vị: tỷ đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	471,1	763,3	508,6
Phải thu của khách hàng	426,4	625,6	272,8
Trả trước cho người bán	40,7	132,6	214,1

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4,8	6,0	22,6
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(0,9)	(0,9)	(0,9)
<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>7,6</i>	<i>8,4</i>	<i>1,0</i>
Phải thu dài hạn khác	7,6	8,4	1,0
Tổng cộng	478,7	771,7	509,6

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý 3/2023 của Công ty

❖ **Các khoản nợ phải thu quá hạn:**

Các khoản phải thu quá hạn theo báo cáo tài chính công ty tại 31/12/2021 – nay

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Đối tượng	Giá trị	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi (*)	Thời gian quá hạn nợ
1	Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát – Xây dựng Hưng Long	0.739	Ứng nâng cấp sửa chữa PX XN2,4 không đạt nên không nghiệm thu	0	Trên 3 năm (từ năm 2012)
2	Cty TNHH Kỹ nghệ lạnh B.V.F	0.025	ứng giám sát lắp đặt 2 cửa đóng mở nhanh	0	Trên 3 năm (từ năm 2018)
3	Cty TNHH MTV Cơ Điện Lạnh Huy Hoàng	0.019	Ứng cung cấp vật tư cho máy nén dùng trong kho lạnh	0	Trên 3 năm (từ năm 2018)
4	Cty TNHH TM & DV Công Nghiệp Quang Hòa	0.016	Ứng kiểm tra siêu âm bình áp lực	0	Trên 3 năm (từ năm 2014)
5	CTY Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cà Mau	0.118	Mua cọc bê tông đúc sẵn	0	Trên 3 năm (từ năm 2018)
Tổng cộng:		0.918		0	

(Nguồn: CMM)

Công ty đánh giá các khoản phải thu quá hạn nêu trên không có khả năng thu hồi và đã được CMM trích lập dự phòng 100% theo quy định. Tuy nhiên, bộ phận kế toán của Công ty vẫn định kỳ theo dõi các khoản nợ này và có công văn đề nghị thanh toán. Trong trường hợp thu hồi lại được nợ,

MM sẽ hạch toán các khoản phải thu quá hạn này theo đúng quy định.

❖ **Tình hình công nợ của Công ty**

Công nợ - Công ty mẹ

(Đơn vị: tỷ đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Nợ ngắn hạn	949,2	1.232,0	1.621,3
Phải trả người bán	204,7	131,9	371,8
Người mua trả tiền trước	153,9	120,3	156,1
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10,0	13,9	9,2
Phải trả người lao động	7,2	13,5	7,9
Chi phí phải trả	4,5	4,8	0
Phải trả khác	15,7	37,1	39,3
Vay, nợ thuê tài chính	552,1	909,5	1.036,1
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,8	0,8	0,9
Nợ dài hạn	125,1	23,9	35,5
Vay, nợ thuê tài chính	125,1	23,9	35,5
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	1.074,2	1.255,9	1.656,8

Nguồn: BCTC Riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC Riêng Quý 3/2023 tự lập của Công ty)

Công nợ - Hợp nhất

(Đơn vị: tỷ đồng)

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Nợ ngắn hạn	924,7	1.224,2	1.612,2
Phải trả người bán	177,7	122,3	361,7
Người mua trả tiền trước	153,9	120,3	156,1
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11,9	15,1	9,4
Phải trả người lao động	7,6	13,9	8,3
Chi phí phải trả	4,5	4,8	0
Phải trả khác	16,0	37,3	39,7
Vay, nợ thuê tài chính	552,1	909,5	1.036,1

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,8	0,8	0,9
Nợ dài hạn	125,1	23,9	35,5
Vay, nợ thuê tài chính	125,1	23,9	35,5
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	1.074,3	1.255,9	1.647,7

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý 3/2023 tự lập của Công ty)

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Căn cứ vào các Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 – 2022, BCTC Quý 3 năm 2023 tự lập và thông tin từ Ban lãnh đạo Công ty, Công ty không có nợ phải trả quá hạn. Các khoản nợ, khoản phải trả theo nghĩa vụ thanh toán đều được CMM thực hiện thanh toán đúng hạn cả lãi và gốc. Ngoài ra, CMM không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết đối với đối tác, khách hàng của Công ty.

e) **Các khoản phải nộp theo luật định**

❖ **Thuế**

Công ty thực hiện kê khai và nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Thuế giá trị gia tăng: nộp thuế theo phương pháp khấu trừ và theo tỷ lệ quy định với các mặt hàng, bao gồm: Hàng thủy sản xuất khẩu (0%); Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại (Không kê khai, tính thuế); Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản (5%); Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản (10%); Các dịch vụ khác (10%). Từ ngày 01/02/2022 – 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế GTGT là 8% đối với các nhóm dịch vụ có thuế suất 10%.

- Thuế xuất, nhập khẩu: Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: theo quy định 20%

- Thuế tài nguyên: nộp thuế đối với hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000đ/m³ đối với nước dưới lòng đất và 4.000đ/m³ với nước trên mặt.

- Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo quy định.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước - Công ty mẹ 9 tháng năm 2023

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	01/01/2023	Đã nộp trong 9T/2023	30/09/2023
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,9	(12,5)	9,1

2	Thuế thu nhập cá nhân	0,008	(0,6)	(0,1)
3	Thuế tài nguyên	0,006	(0,07)	0,008
4	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
Tổng cộng		13,9	(13,1)	9,2

(Nguồn: BCTC Quý 3/2023 của Công ty)

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước – Hợp nhất 9 tháng năm 2023

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	01/01/2023	Đã nộp trong 9T/2023	30/09/2023
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,1	(2,9)	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	13,9	(12,5)	9,2
3	Thuế thu nhập cá nhân	0,008	(0,6)	(0,09)
4	Thuế tài nguyên	0,006	(0,07)	0,008
Tổng cộng		15,1	(16,0)	9,2

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 3/2023 của Công ty)

❖ **Bảo hiểm xã hội**

CMM thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội ở mức quy định là 18% cho các cán bộ công nhân viên kí kết hợp đồng lao động với Công ty. Năm 2022, tổng chi phí đóng BHXH cho người lao động của CMM là gần 2,3 tỷ đồng.

f) **Trích lập các quỹ**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Theo số liệu BCTC, Công ty trích lập các quỹ như sau:

Số dư trích lập các quỹ - Công ty mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,8	0,8	0,8
2	Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0

Tổng cộng	0,8	0,8	0
------------------	------------	------------	----------

(Nguồn: BCTC Riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC Riêng Quý 3/2023 của Công ty)

Số dư trích lập các quỹ - Hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,8	0,8	0,8
2	Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0
	Tổng cộng	0,8	0,8	0

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý 3/2023 của Công ty)

g) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
1. Khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,4	1,3	1,5	1,4
- Hệ số thanh toán nhanh	0,5	0,6	0,5	0,6
2. Cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	55,6%	56,9%	54,6%	56,4%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	125,5%	132,0%	120,4%	129,2%
3. Năng lực hoạt động				
- Vòng quay tổng tài sản	1,0	1,1	1,1	1,2
- Vòng quay vốn lưu động	1,5	1,6	1,5	1,6
- Vòng quay hàng tồn kho	2,0	2,3	2,0	2,3
4. Khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	3,2%	4,6%	3,1%	4,4%

Các chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
(ROS)				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	3,3%	4,9%	3,3%	4,8%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên VCSH (ROE)	7,4%	11,4%	7,3%	11,1%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	1.001	1.716	1.016	1.697

(Nguồn: tính toán từ các BCTC năm 2021, 2022 được kiểm toán)

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

a. Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Camimex/Tập đoàn tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo kiểm toán độc lập số 4.0095/22/TC-AC ngày 15/03/2023 (công ty mẹ) và số 4.0096/22/TC-AC ngày 15/3/2023 (Hợp nhất)

b. Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Camimex/Tập đoàn tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo kiểm toán độc lập số 4.0133/23/TC-AC ngày 21/03/2023 (công ty mẹ) và số 4.0134/23/TC-AC ngày 21/3/2023 (Hợp nhất).

Theo Công văn số 23/CV.CMC ngày 12/09/2023 của Công ty cổ phần Camimex về việc điều chỉnh thuyết minh BCTC năm 2022 của CMM đã có xác nhận của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ, CMM đã thực hiện điều chỉnh các thuyết minh sau tại BCTC Riêng và Hợp nhất năm 2022:

- Thuyết minh số 19a Mục V (trang 31 – BCTC Riêng) và số 20a Mục V (trang 32 – BCTC Hợp nhất) về Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: bổ sung chi tiết các cá nhân có liên quan tại mục

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan.

- Thuyết minh số 1a Mục VII (trang 38 – 39 – BCTC Riêng và trang 40 – 41 – BCTC Hợp nhất) – Những thông tin khác – phần Cam kết bảo lãnh: điều chỉnh tên ngân hàng nhận các loại tài sản của các thành viên Hội đồng quản trị CMM bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

c. Báo cáo tài chính bán niên năm 2023 được soát xét

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty/Tập đoàn tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các Báo cáo kiểm toán độc lập số 4.0288/23/TC-AC ngày 29/08/2023 (công ty mẹ) và số 4.0289/23/TC-AC ngày 29/08/2023 (Hợp nhất).

d. Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023 tự lập

Ngày 24/11/2023, CMM đã thực hiện công bố thông tin Công văn số 2411/CV.CMC điều chỉnh thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023 tự lập của Công ty. Nội dung điều chỉnh thuyết minh Quý 3 năm 2023 như sau:

- Bổ sung nội dung thuyết minh về Nợ xấu tại Thuyết minh số 06 (trang 10 và trang 11 - BCTC Riêng và Trang 11 - BCTC Hợp nhất) do thuyết minh này trong BCTC đã CBTT là chưa có số liệu.
- Điều chỉnh nội dung thuyết minh về Các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại Thuyết minh số 16 Mục a (trang 15 – BCTC Riêng và Hợp nhất) do sai sót số liệu tổng cộng tại mục a - Các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại BCTC đã CBTT là số chưa cộng tổng các số thành phần.

Các thông tin điều chỉnh thuyết minh nêu trên không làm thay đổi số liệu đã trình bày tại Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2023 tự lập của Công ty.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

a. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMC.23 ngày 24/05/2023, trong đó chỉ tiêu kế hoạch doanh thu lợi nhuận năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% tăng/giảm
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	630	979	55,4%
Doanh thu hoạt động SXKD (tỷ đồng)	2.414	2.391	(1,0%)
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	107	100,5	(6,1%)

Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	4,4%	4,2%	(0,23%)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	17,0%	10,3%	(6,72%)
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-

b. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

Kế hoạch trên được Công ty xây dựng căn cứ vào năng lực sản xuất, các đơn đặt hàng của khách hàng và đánh giá tiềm năng tăng trưởng của Công ty. Cụ thể như sau:

➤ **Định hướng chung về sản xuất kinh doanh:**

- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (FTA) đã được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn ngày 12/02/2020, sẽ có hiệu lực 01/08/2021 tạo điều kiện cho các đơn đặt hàng của Công ty gia tăng về số lượng và chất lượng đặt hàng.
- Công ty chú trọng tìm kiếm các đối tác phù hợp để hợp tác, liên doanh phát triển sản xuất kinh doanh theo chiều sâu, thành chuỗi liên kết từ con giống, thức ăn, nuôi trồng tới chế biến, phân phối xuất khẩu.
- Duy trì và phát triển tôm sạch chất lượng cao, tôm sinh thái, xây dựng trên nền tảng ổn định, bền vững.

➤ **Đẩy mạnh nâng cấp, xây dựng nhà máy mới và gia tăng công suất:**

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp tự động hóa máy móc thiết bị, nhà xưởng tại các xí nghiệp nâng cao năng lực sản xuất đặc biệt là sản xuất mặt hàng giá trị gia tăng.
- Hiện tại công ty đang vận hành 3 nhà máy xí nghiệp chế biến 2, 4, 5 trên tổng diện tích gần 4,5 ha, trong giai đoạn 2022-2023 công ty dự kiến đầu tư, nâng cấp như sau:
 - + Cải tạo và nâng cấp Xí nghiệp 4 để nâng công suất sản xuất tại Xí nghiệp 4 lên 5.000 tấn thành phẩm/năm
 - + Đầu tư xây mới Xí nghiệp 1 để sản xuất hàng giá trị gia tăng, công suất 5.000 tấn thành phẩm/năm
 - + Đầu tư xây mới Xí nghiệp 3 với công suất 4.000 tấn thành phẩm/năm với số vốn đầu tư 250 tỷ đồng, thời gian đầu tư dự kiến vào năm 2023.

Đến thời điểm hiện nay, toàn thể Ban lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên của Công ty vẫn đang nỗ lực hết sức để hoàn thành các đơn hàng đã được đặt và tìm kiếm thêm các đơn hàng mới. Tuy nhiên, trước tình hình kinh tế có nhiều biến động trong nửa cuối năm 2023 (chiến tranh Nga – Ukraine, Israel – Hamas) đã khiến thị trường truyền thống tại nước ngoài của CMM giảm sút nhu cầu tiêu thụ tôm. Bên cạnh đó, đồng đô la Mỹ, dưới chính sách chung của Ngân hàng liên bang đã tăng giá so với hầu hết các ngoại tệ của thế giới. Trong khi đó, giá bán sản phẩm của CMM được niêm yết bằng đồng USD nên phần nào ảnh hưởng tới lượng đặt hàng của các khách hàng của Công ty. Theo dự báo của Ban lãnh đạo Công ty, trong trường hợp nền kinh tế tháng 11-12 không diễn

biến xấu đi, Công ty có thể ghi nhận 2.200 tỷ đồng doanh thu (tương ứng gần 92% kế hoạch đề ra); lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 85 tỷ đồng (tương ứng với 85% kế hoạch đề ra).

c. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Camimex. Theo báo cáo của Ban lãnh đạo Công ty, dựa trên đánh giá khách quan về tình hình biến động tiêu cực của nền kinh tế thế giới nói chung do hậu quả dịch bệnh Covid từ năm 2022, chiến tranh giữa Nga – Ukraine và Israel – Hamas Quý II – Quý III/2023, việc Công ty có thể đạt được kế hoạch đề ra là tương đối khó khăn. Tuy nhiên, NSI đánh giá bức tranh doanh thu – lợi nhuận của Công ty sẽ có điểm sáng trong năm 2024, khi Công ty hoàn thành việc xây dựng thêm nhà máy Xí nghiệp 1 chuyên sản xuất hàng giá trị cao với mục tiêu khách hàng cao cấp tại các thị trường nước ngoài. Cùng với việc kinh tế thế giới hồi phục, chiến tranh lắng dịu là những điểm tích cực trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2024 của CMM.

Bên cạnh đó, NSI cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về Cổ đông sáng lập

Theo Điều lệ của Công ty, CMM không có cổ đông sáng lập. Đồng thời CMM hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ năm 2019. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty Cổ phần Camimex hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 14/02/2019 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 10 (ngày ghi nhận chuyển đổi hình thức hoạt động là CTCP), do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký CTCP đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1 Cổ đông là cá nhân

Không có

2.2 Cổ đông là tổ chức

- Tên tổ chức: CTCP Camimex Group
- Năm thành lập: 2006
- Số Chứng nhận ĐKDN: 2000103908
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 333 đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Vốn điều lệ: 1.018.989.900.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành (CMM): Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT CMM
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại CMM: 48.315.000 đồng tương ứng với 76,69% vốn điều lệ của CMM.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM và cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn như sau:

Tên	Loại giao dịch	Giá trị Giao dịch (tỷ đồng)	Các điều khoản quan trọng khác	Cấp có thẩm quyền phê duyệt	Ghi chú mối quan hệ
CTCP Camimex Group	Hoàn trả vốn góp/ Nhận góp vốn	49,3 tỷ; 14,2 tỷ/ 63,5 tỷ	Không có	ĐHĐCĐ/ HĐQT	Cổ đông lớn
	Mua nguyên liệu	37,2 tỷ	Không có	ĐHĐCĐ/HĐQT	
CTCP Camimex Logistic	Dịch vụ vận chuyển Mua tài sản cố định	64,4 tỷ 1,2 tỷ	Không có	ĐHĐCĐ/ HĐQT	Người có liên quan của cổ đông lớn
CTCP Camimex Foods	Mua hàng hóa	127,8 tỷ	Không có	ĐHĐCĐ/ HĐQT	Người có liên quan của cổ đông lớn
	Hỗ trợ mua nguyên liệu Dịch vụ gia công	13,5 tỷ 9,8 tỷ			
CT TNHH LD Công nghệ cao Camimex	Hoàn tiền dự án nuôi tôm công nghệ	11,5 tỷ	Không có	ĐHĐCĐ/ HĐQT	Người có liên quan của cổ đông lớn

- Lợi ích của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với CMM hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của CMM: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có

2.3 Thông tin cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn:

Thông tin của cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn tại ngày 18/07/2023 về số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại, và dự kiến sau chào bán:

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn	Quyết	Sở hữu	Nắm giữ	Quyết	Sở hữu	Nắm giữ	Quyết	Dự kiến sau chào bán
A	Cổ đông lớn cá nhân Không có	-	-	-	-	-	-	-	-	-
		Tại ngày chốt danh sách gần nhất trước thời điểm đăng ký phát hành (18/07/2023)								
B	Cổ đông lớn tổ chức: CTCP Camimex Group	48.315.000	48.315.000	76,69%	72.472.500	72.472.500	76,69%	72.472.500	72.472.500	74,02%
1	Bùi Sĩ Tuấn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT	986.000	986.000	1,57%	1.479.000	1.479.000	1,57%	1.479.000	1.479.000	1,51%
		Huỳnh Văn Tấn								
2	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	150.000	150.000	0,24%	225.000	225.000	0,24%	225.000	225.000	0,23%
		Bùi Đức Cường								
3	Chức vụ: Thành viên	160.000	160.000	0,25%	240.000	240.000	0,25%	240.000	240.000	0,24%

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu tại Công ty
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn			Tại ngày chốt danh sách gần nhất trước thời điểm đăng ký phát hành (18/07/2023)			Dự kiến sau chào bán		
	HDQT kiêm Phó Tổng Giám đốc									
4	Đặng Ngọc Sơn Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nguyễn Trọng Hà Chức vụ: Thành viên HDQT	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Đỗ Văn Hải Chức vụ: Thành viên HDQT	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Huỳnh Công Nhân Chức vụ: Kế Toán trưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: CMM)

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm TGD
3	Ông Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
4	Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên HĐQT độc lập
5	Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên HĐQT

a. Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Bùi Sĩ Tuấn
- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 034071003438
- Trình độ học vấn: Sau đại học
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Group; Chủ tịch HĐQT CTCP Vốn Thiên Niên Kỳ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ Từ 1996 – 2006	Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
▪ Từ 2006 – 2010	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
▪ Từ 2010 – 2011	Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
▪ Từ 10/2012 – 01/2013	Thành viên HĐQT CTCP Camimex Group
▪ Từ 01/2013 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Group
▪ Từ 2008 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Vốn Thiên niên Kỳ
▪ Từ 02/2019 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 1.479.000 cổ phần, tương đương 1,51% vốn điều lệ của Công ty
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Camimex Group	Tổ chức có liên quan	72.472.500	76,69%
Bùi Đức Cường	Em ruột	240.000	0,25%
Vũ Thị Bích Ngọc	Vợ	1.626.500	1,72%
Bùi Đức Dũng	Con ruột	24.000	0,03%

12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	Em ruột	240.000	0,25%

13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thù lao Chủ tịch HĐQT:

- + Năm 2021: 72 triệu đồng
- + Năm 2022: 72 triệu đồng
- + 9T/2023: 54 triệu đồng

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Đã nêu tại Mục VI.2. Cổ đông lớn

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

b. Ông Đặng Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Đặng Ngọc Sơn
2. Năm sinh: 1956
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. CMND/CCCD số: 036059004771
5. Trình độ học vấn: Đại học
6. Năng lực chuyên môn: Cử nhân Chế biến thủy sản
7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 1981 - 1994	Phó Giám đốc phụ trách sản xuất Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng
▪ 1995 - 1998	Phó Giám đốc Kỹ Thuật CTCP Dầu khí Vũng Tàu
▪ 1998 - 2001	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
▪ 2001 - 2005	Giám đốc Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu
▪ 2005 - 2014	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh
▪ 08-2014 – 07/2019	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Camimex Group
▪ 07/2019 – 04/2022	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
▪ 04/2022 - nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
▪ 09/2020 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Camimex

10. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân và đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Camimex Group	Tổ chức có liên quan	48.315.000	76,69%

12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:
Không có

13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thù lao thành viên HĐQT, lương, thưởng.

+ Năm 2021: 282,6 triệu đồng

+ Năm 2022: 303,3 triệu đồng

+ 9T/2023: 213,2 triệu đồng

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
Không có

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

c. Ông Bùi Đức Cường – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Bùi Đức Cường
2. Năm sinh: 1973
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. CMND/CCCD số: 034073004540
5. Trình độ học vấn: Đại học
6. Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ Từ 1997 - 2008	Chuyên viên Công tác tại CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
▪ Từ 2009 – 02/2013	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Quang Thuận – Ninh Thuận
▪ Từ 06/2013 – 02/2019	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Camimex
▪ Từ 02/2019 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex
▪ Từ 06/2013 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Camimex Group

10. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 240.000 cổ phiếu, tương đương 0,25% vốn điều lệ CMM

- Đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Camimex Group	Tổ chức có liên quan	72.472.500	76,69%
Bùi Sĩ Tuấn	Anh ruột	1.479.000	1,57%
Vũ Thị Bích Ngọc	Chị dâu	1.626.000	1,72%
Châu Thị Hoàng Hà	Vợ	22.500	0,02%

12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Anh ruột	1.479.000	1,57%
CTCP Camimex Group	Cổ đông lớn	Tổ chức có liên quan	72.472.500	76,69%

13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thù lao thành viên HĐQT, lương, thưởng.

- + Năm 2021: 282,6 triệu đồng
- + Năm 2022: 305,3 triệu đồng
- + 9T/2023: 213,2 triệu đồng

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

d. Ông Trần Minh Thiệu – Thành viên HĐQT độc lập

1. Họ và tên: Trần Minh Thiệu

2. Năm sinh: 1960

3. Quốc tịch: Việt Nam

4. CMND/CCCD số: 025025902

5. Trình độ học vấn: Đại học

6. Năng lực chuyên môn: Luật sư

7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Luật sư, Phó giám đốc Công ty Luật hợp danh Sài Thành

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 1987 - 2000	Cán bộ, thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, Nam Định.
▪ 2000 - 2002	Cán bộ phòng tổ chức Nhà máy thuốc lá Vĩnh Hội Sài Gòn

▪ 2002- 2004	Giám định viên Công ty bảo hiểm Sài Gòn
▪ 2004 - nay	Cán bộ tư vấn, Luật sư, Phó giám đốc Công ty Luật hợp danh Sài Thành
▪ 09/2020 - nay	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Camimex

10. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân và đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu của người có liên quan: Không có

12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:
Không có

13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thù lao thành viên HĐQT, lương, thưởng

+ Năm 2021: 48 triệu đồng

+ Năm 2022: 48 triệu đồng

+ 9T/2023: 36 triệu đồng

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:
Không có

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

e. Ông Bùi Đức Dũng -- Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Bùi Đức Dũng

2. Năm sinh: 1995

3. Quốc tịch: Việt Nam

4. CMND/CCCD số: 034095009367

5. Trình độ học vấn: Đại học

6. Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật

7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Logistics

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 2018 - 2020	Giám đốc phát triển dự án CTCP Camimex Group
▪ 2021 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Camimex Logistics
▪ 2022 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Camimex

10. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 24.000 cổ phiếu, tương đương 0,03% vốn điều lệ CMM

- Đại diện sở hữu: Không có

- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Bùi Sĩ Tuấn	Bố ruột	1.479.000	1,57%
Vũ Thị Bích Ngọc	Mẹ ruột	1.626.000	1,72%

12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

Họ tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bố ruột	1.479.000	1,57%

13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thù lao thành viên HĐQT

+ Năm 2021: Không có

+ Năm 2022: 33,7 triệu đồng

+ 9T/2023: 36 triệu đồng

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.2 Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Lữ Hồng Lam	Trưởng Ban kiểm soát

2	Nguyễn Hoài Linh	Thành viên
3	Trần Thị My	Thành viên

a. Bà Lữ Hồng Lam – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Lữ Hồng Lam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 095162000576
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế thủy sản và chứng chỉ kế toán trưởng doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng kiểm soát kế toán-tài chính CMM.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 06/1987 – 02/2002	Nhân viên kế toán Công ty CP Chế biến và XNK thủy sản Cadovimex
▪ 02/2002 – 06/2006	Phó phòng kế toán Công ty CP Chế biến và XNK thủy sản Cadovimex
▪ 07/2006 - 10/2020	Phó phòng kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Camimex Group
▪ 06/2021 - nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 135.000 cổ phiếu, tương đương 0,14% vốn điều lệ CMM
 - Đại diện sở hữu: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thù lao BKS :
 - + Năm 2021: 18,8 triệu đồng
 - + Năm 2022: 36 triệu đồng
 - + 9T/2023: 27 triệu đồng
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ:

Không có

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

b. Ông Nguyễn Hoài Linh – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Hoài Linh

2. Năm sinh: 1991

3. Quốc tịch: Việt Nam

4. CMND/CCCD số: 096091004537

5. Trình độ học vấn: Đại học

6. Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán

7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 04/2017 – 07/2020	Nhân viên Ban Kinh doanh CTCP Camimex
▪ 07/2020 - nay	Nhân viên Ban Quản trị Nhân sự, tiền lương tại CTCP Camimex
▪ 06/2021 - nay	Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Camimex
▪ 08/2023 - nay	Nhân viên Phòng Kiểm soát Kế toán - Tài Chính CTCP Camimex Group

10. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty: Không có

12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Thù lao thành viên BKS

+ Năm 2021: 12,5 triệu đồng

+ Năm 2022: 24 triệu đồng

+ 9T/2023: 18 triệu đồng

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

c. Bà Trần Thị My - Ban kiểm soát

1. Họ và tên: Trần Thị My
2. Năm sinh: 1981
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. CMND/CCCD số: 096181015665
5. Trình độ học vấn: Đại học
6. Năng lực chuyên môn: Cử nhân tài chính ngân hàng, Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng
7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng kiểm soát kế toán-tài chính, Kế toán trưởng Cty Camimex Farm, Kế toán trưởng Camimex Hitech.
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 04/2006 - 12/2020	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Camimex
▪ 01/2021 - 05/2021	Phó kế toán Công ty cổ phần Camimex Foods
▪ 06/2021 - 08/2021	Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Camimex
▪ 09/2021 - 03/2023	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex Foods
▪ 04/2023 - nay	Phó phòng kiểm soát kế toán tài chính Công ty CP Camimex Group
▪ 24/05/2023 – nay	Thành viên BKS

10. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, tương đương 0% vốn điều lệ CMM
 - Đại diện sở hữu: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - Thù lao BKS:
 - + Năm 2021 và Năm 2022: Không có

+ 9T/2023: 8,5 triệu đồng

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.3 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc

a. Ông Đặng Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (xem mục HĐQT)

b. Ông Bùi Đức Cường - Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (xem mục HĐQT)

c. Ông Huỳnh Văn Tấn - Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Huỳnh Văn Tấn

2. Năm sinh: 1975

3. Quốc tịch: Việt Nam

4. CMND/CCCD số: 096075013139

5. Trình độ học vấn: Đại học

6. Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế đối ngoại

7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc

8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Camimex Group.

9. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 01/2000 0- 12/2001	Nhân viên thị trường Công ty cổ phần Bút bi Thiên Long
▪ 01/2002 - 06/2013	Cán bộ Công ty cổ phần Camimex Group
▪ 07/2013 - 03/2019	Giám đốc kinh doanh Công ty cổ phần Camimex Group
▪ 03/2019 - nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex
▪ 05/2020 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ

phần Camimex Group

10. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: 225.000 cổ phiếu, tương đương 0,24% vốn điều lệ CMM
 - Đại diện sở hữu: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có
12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- Lương, thưởng
 - + Năm 2021: 232,7 triệu đồng
 - + Năm 2022: 255,6 triệu đồng
 - + 9T/2023: 177,2 triệu đồng
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.4 Kế toán trưởng - Bà Nguyễn Thị Lam

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Lam
2. Năm sinh: 1988
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. CMND/CCCD số: 096188018506
5. Trình độ học vấn: Đại học
6. Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán
7. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
8. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng Kế toán – CTCP Camimex Group
9. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
▪ 10/2010 – 04/2014	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần CBTS & XNK Cà Mau (Nay là Camimex Group), Công ty TNHH Thủy sản Camimex

▪ 05/2014 – 05/2021	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Camimex Group, Công ty Cổ phần Camimex
▪ 06/2021 - 03/2023	Quyền Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Camimex
▪ 06/2021 - nay	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Camimex Group
▪ 03/2023 - nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Camimex

10. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty: Không có

12. Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có

13. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- Lương, thưởng

+ Năm 2021: 197,4 triệu đồng

+ Năm 2022: 351,6 triệu đồng

+ 9T/2023: 310 triệu đồng

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa CMM, công ty con của CMM, công ty do CMM nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có

15. Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 3.400.000 cổ phiếu, tương ứng chiếm 5,39% số lượng cổ phiếu lưu hành.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 34.000.000.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Phương pháp giá đã được nêu tại Tờ trình số 06/TT.ĐHĐCĐTN.CMC.23 ngày 28/04/2023 v/v phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMM.23 ngày 24/05/2023, cụ thể:

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu CMM tại ngày 31/12/2022 (theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2022) là 15.335 đồng/cổ phiếu
- Giá thị trường: Giá đóng cửa của cổ phiếu CMM trong 10 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 28/4/2023 đến ngày 16/5/2023) là 9.610 đồng/cổ phiếu

Để đảm bảo cho đợt chào bán thành công, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được Hội đồng quản trị đề nghị và được ĐHĐCĐ thông qua là: **10.000 đồng/cổ phiếu.**

7. Phương thức phân phối

Căn cứ Nghị quyết số 1011/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/11/2023 của Hội đồng quản trị CTCP Camimex về việc thông qua triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của CTCP Camimex, phương thức phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán được quy định như sau:

- Hình thức phát hành: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
- Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua Đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia sau khi nhận được giấy phép chào bán cổ phiếu của UBCKNN.
- Phương án xử lý cổ phiếu còn dư:

Đối với số lượng cổ phiếu không chào bán hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán với giá 10.000 đồng/cổ phiếu theo thứ tự ưu tiên cho các thành viên sau: Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ công nhân viên Công ty, Các cổ đông hiện hữu khác. Nếu các đối tượng này không mua hết, Hội đồng quản trị lựa chọn chào bán cho các đối tượng khác với mức giá chào bán không thấp hơn giá chào bán mà các nhà đầu tư công chúng đã mua.

Việc xử lý cổ phiếu không chào bán hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy bỏ và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

- Trách nhiệm của Đại lý phát hành tham gia phân phối cổ phiếu:
 - + Phối hợp với Tổ chức phát hành công bố thông tin về đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định;
 - + Cung cấp và tiếp nhận Hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu của nhà đầu tư;
 - + Hướng dẫn nhà đầu tư trong việc đăng ký và thực hiện thủ tục thanh toán tiền mua cổ phiếu;
 - + Tổng hợp thông tin về các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu tại Đại lý phân phối sau ngày kết thúc đăng ký đặt mua cổ phiếu;
 - + Các công việc khác liên quan đến việc phân phối cổ phiếu (nếu có);
- Nguyên tắc phân phối cổ phiếu:

- + Cổ phiếu được phân phối cho các nhà đầu tư đảm bảo nguyên tắc công bằng, công khai.
- + Các nhà đầu tư đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu đúng thời hạn quy định đều được phân phối cổ phiếu.
- + Trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu được phép chào bán, Hội đồng quản trị Công ty phân phối hết số cổ phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký đặt mua của từng nhà đầu tư.
- Phương án phân phối cổ phiếu:
 - + Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: 100 cổ phiếu
 - + Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối đa: 3.400.000 cổ phiếu
 - + Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Không áp dụng
 - + Tỷ lệ thực hiện quyền: Không áp dụng do đối tượng của đợt chào bán không phải là cổ đông hiện hữu của Công ty.
- Xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phiếu khi phân phối theo tỷ lệ:
 - + Trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký đặt mua vượt quá số lượng cổ phiếu chào bán, Hội đồng quản trị Công ty phân phối toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký đặt mua của từng nhà đầu tư. Phần lẻ thập phân của số cổ phần khi phân phối theo tỷ lệ đăng ký đặt mua (nếu có) sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - + Số cổ phiếu lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn (nếu có) sẽ được phân phối lại cho nhà đầu tư có số lượng đăng ký đặt mua cao nhất. Trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đăng ký cùng số lượng cổ phiếu cao nhất, Hội đồng quản trị tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được mua là nhà đầu tư có thời gian nộp tiền mua cổ phần sớm hơn (theo thời gian trên sao kê nộp tiền vào tài khoản phong tỏa).
 - + Cổ phiếu lẻ được phân phối cho Nhà đầu tư không bị hạn chế chuyển nhượng.
 - + Ví dụ:

Nhà đầu tư	Số lượng CP đăng ký mua	Số lượng CP được mua theo tỷ lệ phân phối	Số lượng CP được mua làm tròn
A	597.555	534.654,5	534.654
B	100.000	89.473,7	89.473
C	2.500.010	2.236.851,1	2.236.851
D	350.000	313.157,9	313.157
E	252.435	225.862,9	225.862
Tổng cộng	3.800.000	3.400.000,1	3.399.997

Số cổ phần lẻ phát sinh do nguyên tắc làm tròn là 03 cổ phiếu sẽ được phân phối lại cho nhà đầu tư C (là nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất). Do đó, số lượng cổ phiếu nhà đầu tư C được phân phối là 2.236.854 cổ phiếu.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng đăng ký mua tối thiểu của 01 nhà đầu tư: 100 cổ phiếu.
- Số lượng đăng ký mua tối đa của 01 nhà đầu tư: 3.400.000 cổ phiếu.
- Thời hạn mua: theo thông báo của Tổ chức chào bán sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán, đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu là tối thiểu 20 ngày; Thời gian cụ thể được công bố trong Bản thông báo phát hành.
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Tổ chức chào bán. Số tiền của các nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản phong tỏa để đăng ký mua cổ phiếu sẽ không được hưởng lãi.
- Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký mua cổ phiếu: Theo thông báo của Tổ chức chào bán sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Không áp dụng

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Trong trường hợp vì một số lý do khách quan dẫn đến việc chào bán kéo dài hơn thời hạn 90 ngày, Công ty sẽ xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng nhưng tối đa không quá 30 ngày.
- Thời gian tiến hành dự kiến: Quý IV/2023 – Quý I/2024, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Lịch trình dự kiến của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

TT	Công việc	Thời gian dự kiến (ngày làm việc)
1	+/ Nhận Giấy chấp thuận chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng từ UBCKNN; +/ Công bố thông tin chào bán cổ phiếu ra công chúng theo quy định. <i>Lưu ý: thời gian công bố thông tin tối thiểu là 7 ngày làm việc</i>	(D) đến (D+7)
2	Triển khai thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	(D+8) đến (D+30)
3	Nhà đầu tư thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phần <i>Lưu ý: thời gian tối thiểu để nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua là 20 ngày</i>	(D+8) đến (D+30)
4	Thông báo kết quả đặt mua cho NĐT	(D+30) đến (D+32)
5	HDQT xử lý cổ phiếu còn dư do các NĐT không đặt mua hết theo phương án đã được ĐHCĐ thông qua.	(D+32) đến (D+40)

TT	Công việc	Thời gian dự kiến (ngày làm việc)
6	HDQT thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu.	(D+41)
7	+/- Báo cáo kết quả chào bán với UBCKNN +/- Công bố thông tin theo quy định	(D+41) đến (D+51)
8	+/- Nhận chấp thuận về báo cáo kết quả chào bán của UBCKNN +/- HDQT hoàn trả tiền cho NĐT trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán (nếu có)	(D+52) đến (D+67)

Thời gian phân phối cụ thể sẽ được nêu chi tiết tại Bản thông báo chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu chào bán ra công chúng không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do tỷ lệ làm tròn phân phối cho nhà đầu tư đăng ký không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu còn dư do không chào bán hết theo dự kiến được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Camimex
- Số tài khoản: 070140089123
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – CN Cà Mau

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành
Không có

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Do công ty không thực hiện huy động vốn sử dụng cho mục đích thực hiện dự án nên không áp dụng.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Như đã nêu tại Mục 9 Phần IV Bản cáo bạch, Công ty xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài

tối đa tại CMM là 0%. Theo danh sách cổ đông do VSD cung cấp, tại ngày 17/08/2023, tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài chiếm 0% vốn điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị CMM đã có Nghị quyết HĐQT thông qua các biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài như sau: Không thực hiện chào bán cổ phiếu trong đợt chào bán cho cổ đông là người nước ngoài. Đại lý phân phối có trách nhiệm kiểm tra việc đăng ký của các nhà đầu tư đảm bảo các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu là nhà đầu tư trong nước.

15. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

a) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: Căn cứ theo Thông tư 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/05/2018: Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

b) Thu nhập từ cổ tức

Trong trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Công ty, nếu cổ tức được chia là cổ tức tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về hướng dẫn Luật quản lý thuế và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thuế thu nhập cá nhân và Nghị định 65/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

+ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

+ Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

- Thu nhập từ cổ tức:

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC thu nhập từ cổ tức nhận

được từ góp vốn từ doanh nghiệp trong nước, nếu đơn vị nhận vốn góp đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của phần cổ tức đó. Thị cổ tức nhận được thuộc các khoản thu nhập được miễn thuế TNDN khi xác định thu nhập tính thuế.

16. Thông tin về các cam kết

❖ Thông tin cam kết đăng ký giao dịch bổ sung

- Việc đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu của Công ty Cổ phần Camimex được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 155/2020/QH14 ngày 31/12/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

- Sau khi hoàn thành phân phối cổ phiếu chào bán đồng thời thực hiện báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Công ty Cổ phần Camimex sẽ nộp hồ sơ niêm yết bổ sung và triển khai các thủ tục cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thiện hồ sơ niêm yết bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc đợt chào bán.

- Ngoài ra Công ty không có cam kết nào khác liên quan đến đợt chào bán.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMM.23 ngày 24/05/2023, số tiền thu được sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

Hiện nay, Công ty đang xây thêm nhà máy chế biến tôm nữa (Xí nghiệp 1) để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng. Nhà máy mới dự kiến cuối năm 2023 sẽ hoàn thiện. Khi nhà máy đi vào hoạt động cũng cần phải có thêm vốn lưu động cho nhà máy hoạt động. Bên cạnh đó, CMM luôn cần một lượng vốn lưu động lớn để nhập nguyên liệu, duy trì việc sản xuất ổn định cho các nhà máy sản xuất khác.

Với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành tôm, ngành mà tỷ trọng nguyên liệu chiếm tới 80% chi phí giá thành, để có thể hoàn thành tốt kế hoạch tăng trưởng kinh doanh, đáp ứng nhu cầu khách hàng và công suất của nhà xưởng, Công ty cần lượng vốn lưu động rất lớn. Tuy nhiên tỷ số nợ của Công ty đang ở mức cao, việc vay thêm vốn lưu động từ ngân hàng cũng không dễ dàng. Vì vậy Hội đồng quản trị đã đề xuất sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán:

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 1011/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/11/2023 thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán có giá trị 34 tỷ đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động (thanh toán tiền cho

nhà cung cấp nguyên liệu), cụ thể:

Tên nhà cung cấp	Số hợp đồng	Nguyên liệu cung cấp	Tổng giá trị HĐ	Số tiền sử dụng từ đợt chào bán	Kế hoạch giải ngân
Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh	12/HĐNL-2023 và Phụ lục số 01 của Hợp đồng	Tôm nguyên liệu (Tôm sú, tôm thẻ)	67 tỷ đồng	34 tỷ đồng	Quý I/2024

Trong trường hợp thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị Công ty chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ bổ sung khác để đảm bảo huy động đủ vốn phục vụ kế hoạch kinh doanh.

Căn cứ các điều khoản tại Hợp đồng số 12/HĐNL-2023 và Phụ lục hợp đồng số 01 ký giữa CMM và Công ty Thiên Mã Quỳnh (gửi kèm theo Công văn này), thời gian thanh toán tiền cho nhà cung cấp này là ngày 31/03/2024. Do đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán tiền mua hàng cho Nhà cung cấp nguyên liệu này theo điều khoản thanh toán quy định tại Hợp đồng.

Về tiến độ và sự ổn định của Nhà cung cấp: Hiện nay, Công ty TNHH MTV XNK TS Thiên Mã Quỳnh đang thực hiện hợp đồng cung cấp nguyên liệu số 12/HĐNL-2023 nêu trên. Tính đến ngày 27/10/2023, sản lượng cung cấp và chi phí của hợp đồng này cụ thể như sau:

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (Tấn)	Thành tiền (Tỷ đồng)
1	Tôm sú	84,9	14,4
2	Tôm thẻ	157,7	17,4
	Tổng cộng	242,6	31,8

Công ty Thiên Mã Quỳnh vẫn đang tiếp tục cung cấp sản lượng nguyên liệu được quy định tại Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng cho Camimex theo kế hoạch đề ra và chưa có yếu tố nào khiến Ban quản lý Công ty đánh giá việc cung cấp nguyên liệu này sẽ bị gián đoạn hoặc không thể tiếp tục thực hiện.

Với kế hoạch SXKD đã đề ra nhằm đảm bảo đạt được kế hoạch kinh doanh năm được ĐHCĐ thông qua, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy tính cấp thiết của việc bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động của CMM, do tỷ lệ nợ cao dẫn đến việc vay vốn Ngân hàng của Công ty tương đối khó khăn. Vì thế, toàn bộ vốn thu được từ đợt chào bán (dự kiến 34 tỷ) sẽ được sử dụng để thanh toán cho nhà cung cấp nguyên liệu theo nội dung đã được phê duyệt tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1011/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/11/2023 thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn đồng thời là Đại lý phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI)

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, số 105 Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 39445474 Fax: (024) 39445475

Website: <https://www.nsi.com.vn/>

2. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Địa chỉ: 15-13 Võ Nguyên Giáp, Quận Cái Răng TP. Cần Thơ

Điện thoại: (84-292) 3764.995

Fax: (84-292) 3764.996

Website: a-c.com.vn

3. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt phát hành

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2023 của CMM và Nghị quyết HĐQT số 1011/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/11/2023 thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán dùng để bổ sung vốn lưu động thanh toán cho nhà cung cấp nguyên vật liệu.

Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 3.400.000 cổ phiếu. Giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2023 (theo báo cáo tài chính Quý 3/2023 tự lập của CMM) là 10.586 đồng/cổ phiếu. Với những thông tin trên, cùng nhận định tương đối khả quan với tiềm năng phát triển của Công ty cổ phần Camimex, chúng tôi – Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Gia (NSI) cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm hoặc sở hữu mới cổ phiếu CMM và khả năng Công ty chào bán thành công là cao vì mức giá chào bán tương đối hấp dẫn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

4. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán: Không có

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ:

Không có

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia

Cà Mau, ngày 22 tháng 12 năm 2022

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI SĨ TUẤN

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẶNG NGỌC SƠN

NGUYỄN THỊ LAM

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ĐÌNH DŨNG

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023.
2. **Phụ lục II:** Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMC.23 ngày 24/05/2023 của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán; Tờ trình số 06/TT.ĐHĐCĐTN.CMC.23 ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị CMM về phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng.
3. **Phụ lục III:** Các Nghị quyết Hội đồng quản trị;
 - Số 1011/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/11/2023 thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
 - Số 01.1007/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/07/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - Số 2411/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 24/11/2023 thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
4. **Phụ lục IV:** Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Camimex.
5. **Phụ lục V:** Các báo cáo tài chính:
 - Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán;
 - Công văn số 23/CV.CMC ngày 12/09/2023 về việc điều chỉnh thuyết minh BCTC năm 2022 của CMM;
 - Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023;
 - Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý 3/2023 tự lập của Công ty;
 - Công văn số 2411/CV.CMC ngày 24/11/2023 về việc điều chỉnh thuyết minh BCTC Quý 3 năm 2023.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]